

TẬP ĐOÀN ĐIỆN LỰC VIỆT NAM
TỔNG CÔNG TY
TRUYỀN TẢI ĐIỆN QUỐC GIA

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

V/v báo cáo tình hình vận hành
lưới điện truyền tải tháng 09/2025

Kính gửi:

- Cục Điện lực;
- Công ty Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia.

Thực hiện quy định của Bộ Công Thương tại Thông tư số 05/2025/TT-BCT ban hành ngày 01/02/2025 về việc “Quy định hệ thống truyền tải điện, phân phối điện và đo đếm điện năng”, Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia kính báo cáo Cục Điện lực, Công ty Vận hành hệ thống điện và thị trường điện Quốc gia tình hình vận hành lưới điện truyền tải tháng 09/2025 như phụ lục đính kèm.

Trân trọng./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- EVN (để b/c);
- TGD (để b/c);
- Các ban: KH, QLĐTXD;
- PTC1, 2, 3, 4;
- Lưu: VT, KTAT.

KT. TỔNG GIÁM ĐỐC
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Lưu Việt Tiến

PHỤ LỤC

TÌNH HÌNH VẬN HÀNH LƯỚI ĐIỆN TRUYỀN TẢI THÁNG 09/2025

I. TÌNH HÌNH VẬN HÀNH LƯỚI ĐIỆN TRUYỀN TẢI

Trong tháng 9/2025, lưới điện truyền tải cơ bản vận hành an toàn, tin cậy và đảm bảo cung cấp điện. Lưới điện truyền tải xảy ra 58 sự cố (27 sự cố lưới 500kV, 31 sự cố lưới 220kV), trong đó có 43 sự cố khách quan do ảnh hưởng của bão số 10. Xét miễn trừ 43 sự cố khách quan do ảnh hưởng của bão số 10 trong tháng 9, lưới điện truyền tải thuộc Tổng công ty Truyền tải điện Quốc gia (EVNNPT) xảy ra 15 sự cố, tăng 02 sự cố so với tháng 8/2025. Trong đó, xảy ra 6 sự cố do sét, 4 sự cố do nguyên nhân khác (văng lắc, vật bay), 3 sự cố do thiết bị nhất thứ, 02 sự cố do thao tác, công tác.

II. ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN CÁC TIÊU CHUẨN VẬN HÀNH

1. Vận hành tần số

Trong tháng 9/2025, lưới điện truyền tải không xảy ra sự cố do bảo vệ tần số tác động.

2. Vận hành điện áp

Trong tháng 9/2025 điện áp lưới 500kV và 220kV cơ bản đảm bảo vận hành trong giới hạn cho phép, có xuất hiện điện áp cao như sau:

Lưới điện 500kV có 7 trạm biến áp (TBA) xuất hiện điện áp cao: (i) khu vực miền Bắc xuất hiện tại TBA 500kV Thanh Hóa, Hà Tĩnh và Vũng Áng, điện áp cao nhất 536,1kV tại TBA 500kV Thanh Hóa lúc 05h00' ngày 02/9/2025; (ii) khu vực miền Trung vận hành trong giới hạn cho phép; (iii) khu vực miền Nam xuất hiện tại TBA 500kV Ô Môn, Long Phú, Phú Lâm và Phú Mỹ, điện áp cao nhất là 531,0kV tại Long Phú lúc 12h00' ngày 22/9/2025.

Lưới điện 220kV có 4 TBA xuất hiện điện áp cao: (i) khu vực miền Bắc xuất hiện điện áp cao tại thanh cái 220kV TBA 500kV Thanh Hóa, Nghi Sơn, Nông Cống, KTT Nghi Sơn, điện áp cao nhất là 245,4kV tại Nghi Sơn lúc 10h00' ngày 29/9/2025; (ii) khu vực miền Trung điện áp vận hành trong giới hạn cho phép; (iii) khu vực miền Nam điện áp trong giới hạn cho phép.

Hiện EVNNPT đang triển khai các dự án để đảm bảo vận hành điện áp: (i) dự án lắp kháng bù ngang 500kV để tối ưu dung lượng bù sau khi có đường dây 500kV mạch 3, tiến độ hoàn thành dự kiến đầu năm 2026; (ii) dự án lắp bổ sung tụ bù ngang trên lưới điện miền Bắc năm 2025 đã hoàn thành đóng điện 20/21 giàn tụ bù 110kV, còn 01 dự án tụ bù TBA 220kV Dương Kinh chưa đóng điện do chưa đồng bộ lưới 110kV (TBA 220kV Dương Kinh đã đóng vận hành nhưng chưa có ngăn lộ 110kV).

3. Độ tin cậy của lưới điện truyền tải

Kết quả thực hiện các chỉ tiêu độ tin cậy lưới điện truyền tải (SAIDI-T; SAIDI-T sự cố; SAIFI-T) tháng 9/2025 trong bảng sau:

STT	Đơn vị	Tháng 09	Lũy kế	Kế hoạch năm	Thực hiện kế hoạch (%)
1. SAIDI-T công tác (phút)					
1	EVNNPT	47	458.00	817	56.1
2	PTC1	47	530.00	817	64.9
3	PTC2	29	508.00	817	62.2
4	PTC3	8	76.00	817	9.3
5	PTC4	68	485.00	817	59.4
2. SAIDI-T sự cố (phút)					
1	EVNNPT	1.18	3.05	13.81	22.1
2	PTC1	0.06	2.08	13.81	15.1
3	PTC2		0.00	13.81	0.0
4	PTC3		0.24	13.81	1.7
5	PTC4	3.74	6.74	13.81	48.8
3. SAIFI-T (lần)					
1	EVNNPT	0.06	0.60	0.93	64.5
2	PTC1	0.05	0.60	0.93	64.5
3	PTC2	0.07	0.90	0.93	96.8
4	PTC3	0.03	0.21	0.93	22.6
5	PTC4	0.09	0.59	0.93	63.4

4. Tỷ lệ điện dùng để truyền tải của lưới điện truyền tải

Tỷ lệ điện dùng để truyền tải thực hiện tháng 9/2025 là 3,14% (0,703 tỷ kWh) bằng so với cùng kỳ 2024 (3,14%), cao hơn 0,74% so với chỉ tiêu kế hoạch (2,40%). Trong đó, Tỷ lệ điện dùng để truyền tải lưới 500kV là 2,55% (0,311 tỷ kWh, tương ứng chiếm tỷ trọng ~ 44,2%) giảm 0,21% so với cùng kỳ 2024 (2,76%), Tỷ lệ điện dùng để truyền tải lưới 220kV là 1,47% (0,392 tỷ kWh, tương ứng chiếm tỷ trọng ~ 55,8%) giảm 0,02% so với cùng kỳ 2024 (1,49%).

III. TÌNH HÌNH QUÁ TẢI, SỰ CỐ THIẾT BỊ VÀ NGUYÊN NHÂN, ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP ĐỂ ĐẢM BẢO VẬN HÀNH LƯỚI ĐIỆN AN TOÀN, TIN CẬY VÀ HIỆU QUẢ

1. Tình hình vận hành mạng tải

Cấp điện áp	Thiết bị	Tổng số mạchĐD/MBA	Khu vực	Số mạchĐD, Số MBA/thời gian đầy, quá tải			
				(số thiết bị/giờ)			
				>90-100%	>100-110%	>110%	Tổng
500kV	Đường dây	40	Miền Bắc	0/0.0	0/0.0	0/0.0	0/0.0
		40	Miền Trung	1/26.1	0/0.0	0/0.0	1/26.1
		46	Miền Nam	0/0.0	0/0.0	0/0.0	0/0.0
	MBA	31	Miền Bắc	12/275.6	0/0.0	0/0.0	12/275.6
		20	Miền Trung	3/250.5	0/0.0	0/0.0	3/250.5
		23	Miền Nam	1/7.0	0/0.0	0/0.0	4/47.0
220kV	Đường dây	214	Miền Bắc	16/230.5	1/19.0	0/0.0	16/249.5
		154	Miền Trung	12/255.9	5/7.0	1/1.0	12/263.9

		184	Miền Nam	6/43.1	1/1.0	0/0.0	15/44.1
	MBA	163	Miền Bắc	30/856.0	8/63.0	0/0.0	30/919.0
		78	Miền Trung	3/6.0	0/0.0	0/0.0	3/6.0
		122	Miền Nam	17/182.0	1/6.0	1/1.0	17/189.0

a) Khu vực miền Bắc

• *Lưới điện 500kV*

Đường dây:

- ĐD vận hành mang tải mức cảnh báo (từ 90% - 100% tải định mức): không xuất hiện.

Máy biến áp:

- 12/30 MBA vận hành mang tải mức cảnh báo (từ 90% - 100% tải định mức) gồm: AT1, AT2 Phố Nối; AT1, AT2 Thường Tín, AT1, AT2 Quảng Ninh do tải cao; AT1, AT2 Hòa Bình; AT1, AT2 Lai Châu; AT1, AT2 Sơn La do thủy điện phát cao.

- MBA vận hành chế độ khẩn cấp (từ 100% đến 110% định mức): không xuất hiện.

• *Lưới điện 220kV*

Đường dây:

- 17/214 ĐD vận hành mang tải mức cảnh báo (từ 90% - 100% tải định mức) gồm: 274 Hà Giang - 272 TĐ Bắc Mê; 271 TĐ Huội Quảng - 272 T500 Sơn La; Tuyên Quang - Yên Bái 2 mạch; 280 TĐ Hoà Bình - 271 Sơn Tây; 273 Chèm - 271 Tây Hồ; 273 T500 Hiệp Hoà - 271 Phú Bình; 274 Tuyên Quang - 274 Phú Bình; 274 T500 Nho Quan - 271 Ninh Bình; 275 T500 Nho quan - 272 Phủ Lý; 274 T500 Việt Trì - 273, 274 Vĩnh Yên; 274 Trảng Bạch - 273 Hoàn Bò; T500 Thanh Hóa - Nông Cống 2 mạch; 271, 273 Hủa Na - 272 Bim Sơn; 271 Hưng Đông - 271 Nam Cấm do phụ tải cao.

- 01/214 ĐD vận hành chế độ khẩn cấp (từ 100% đến 110% định mức): 274 Tuyên Quang - 274 Phú Bình do phụ tải cao.

- ĐD vận hành chế độ khẩn cấp (trên 110% định mức): không xuất hiện.

Máy biến áp

- 30/163 MBA vận hành tải cao trên 80% và cảnh báo (từ 90% - 100%) định mức gồm: AT2, AT3 Bắc Ninh 2; AT2 Bảo Thắng; AT1, AT2 Đồng Hòa; AT3, AT4, AT5 Hà Đông; AT3, AT4, AT6 Mai Động; AT1, AT2 Mường Tè; AT2 Phú Bình; AT2 Phủ Lý; AT1, AT2 Than Uyên; AT4 Thành Công; AT1, AT2 Thanh Nghị; AT1 Tương Dương; AT1, AT2 Vật Cách; AT1, AT2 Việt Trì; AT1, AT2 Xuân Mai; AT1, AT2 Yên Bái; AT4 Đông Anh do nguồn thủy điện phát cao và phụ tải cao.

- 8/163MBA vận hành chế độ khẩn cấp (từ 100% đến 110% định mức): AT1, AT2 Mường Tè; AT1, AT2 Than Uyên; AT1, AT2 Vật Cánh; AT2 Yên Bái; AT1 Xuân Mai do nguồn thủy điện phát cao và phụ tải cao.

- MBA vận hành chế độ khẩn cấp (từ 110% định mức): không xuất hiện.

b) Khu vực miền Trung:

- Lưới điện 500kV

Đường dây

- 01/40 ĐD vận hành mang tải mức cảnh báo (từ 90% - 100% tải định mức): 574 Pleiku 2 - 572 Chơn Thành.

Máy biến áp

- 03/20 MBA vận hành mức cảnh báo (từ 90% - 100%) định mức: AT1, AT2 Thạnh Mỹ; AT2 Pleiku 2 do nguồn điện phát cao.

- MBA vận hành chế độ khẩn cấp (từ 100% đến 110% định mức): không xuất hiện.

- Lưới điện 220kV

Đường dây

- 12/152 ĐD thường xuyên vận hành mức cảnh báo (từ 90% - 100%) định mức: (i) lưới PTC2 gồm: 272 Hải Châu - 271 Hòa Khánh, 273 Đà Nẵng - 272 Hòa Khánh, 273 Dốc Sỏi - 271 Quảng Ngãi, 273 Thạnh Mỹ 500 - 272 Thạnh Mỹ, Dốc Sỏi - Quảng Ngãi 2 mạch, Thạnh Mỹ 500 - Thạnh Mỹ 2 mạch; (ii) lưới PTC3 gồm các đường dây do NLTT và các nhà máy thủy điện phát cao như: 271 Quy Nhơn - 271 Tuy Hòa; 272 Đức Trọng - 276 Di Linh; 273 Đắk Nông - 271 NMĐG Đắk Hòa; 273 Hàm Thuận - 272 Phan Thiết; 276 Pleiku 2 - 272 Chư Sê, 274 Đắk Nông - 272 Buôn TuaSrah.

- 01/152 ĐD vận hành chế độ khẩn cấp (từ 100% đến 110% định mức): 272 Đức Trọng - 276 Di Linh.

Máy biến áp

- 03/77 MBA vận hành mức cảnh báo (từ 90% - 100%) định mức gồm: AT2 Chư Sê; AT1, AT2 Đắk Nông do nguồn NLTT phát cao.

- MBA vận hành chế độ khẩn cấp (từ 100% đến 110% định mức): không xuất hiện.

c) Khu vực miền Nam:

- Lưới điện 500kV

Đường dây

- ĐD vận hành mang tải mức cảnh báo (từ 90% - 100% tải định mức): không xuất hiện.

Máy biến áp

- 01/ 23 MBA vận hành mức cảnh báo (từ 90% - 100%) định mức: AT2 Duyên Hải do nguồn điện phát cao.

- *Lưới điện 220kV*

Đường dây

- 06/245 ĐD vận hành mức cảnh báo (từ 90% - 100%) định mức: Bến Cát - Chơn Thành 2 mạch, Chơn Thành - Bình Long 2 mạch, Mỹ Tho 2 (274) - Mỹ Tho 500, Thuận An (275) - Hóc Môn (272) 2 mạch do tải cao.

- 01/245 ĐD vận hành chế độ khẩn cấp (từ 100% đến 110% định mức): Bến Cát (273) - Chơn Thành (276).

Máy biến áp

- 17/121 MBA vận hành tải mức cảnh báo (từ 90% - 100%) định mức: AT1, AT2 Bến Cát; AT2 Châu Thành; AT1, AT2 Đức Hòa; AT1, AT2, AT3 Long Bình; AT2 Long Thành; AT1, AT2 Mỹ Tho; AT1, AT2 Uyên Hưng; AT3, AT4, AT7 Phú Lâm; AT3 Sông Mỹ do tải cao.

- 01/121 MBA vận hành chế độ khẩn cấp (trên 110%) định mức: AT1 Uyên Hưng do tải cao.

Để đảm bảo vận hành, EVNNPT đang triển khai các dự án đầu tư xây dựng mới, dự án nâng cấp, cải tạo theo kế hoạch giao để giảm vận hành đầy quá tải theo kế hoạch EVN giao; phối hợp chặt chẽ với các đơn vị vận hành hệ thống điện để báo cáo, đề xuất các giải pháp về phương thức vận hành để hạn chế đầy tải, quá tải.

2. Sự cố thiết bị

Trong tháng 9/2025, lưới điện truyền tải do EVNNPT quản lý vận hành xảy ra 01 sự cố dẫn đến hư hỏng thiết bị:

- Ngày 28/9/2025, sự cố nhảy MCĐD 574 Nghi Sơn - 574 Nho Quan do hư hỏng kháng KH504 TBA 500kV Nho Quan. Hiện đang tách ngăn lộ kháng KH504 và khôi phục ĐD 574 Nghi Sơn - 574 Nho Quan. EVNNPT đang triển khai công việc để sử dụng kháng điện 500kV dự phòng thay thế thiết bị hư hỏng.

IV. CÁC CHỈ SỐ THỰC HIỆN

1. Thống kê tình trạng quá tải của các thiết bị trên lưới

a. PTC1

Trạm biến áp:

STT	Trạm biến áp	MBA	Ngày	Mức quá tải MAX (%)	Thời gian quá tải (giờ)
1	Trạm 220kV Yên Bái	AT2	02/09/2025	101.60	1.00
2	Trạm 220kV Yên Bái	AT2	02/09/2025	101.70	1.00
3	Trạm 220kV Vật Cách	AT1	05/09/2025	102.96	1.00
4	Trạm 220kV Vật Cách	AT2	05/09/2025	100.07	1.00
5	Trạm 220kV Than Uyên	AT1	11/09/2025	105.12	4.98
6	Trạm 220kV Than Uyên	AT2	11/09/2025	105.12	4.98
7	Trạm 220kV Than Uyên	AT1	11/09/2025	105.60	1.00
8	Trạm 220kV Than Uyên	AT2	11/09/2025	105.60	1.00
9	Trạm 220kV Than Uyên	AT1	13/09/2025	102.40	2.00
10	Trạm 220kV Than Uyên	AT2	13/09/2025	102.40	2.00
11	Trạm 220kV Than Uyên	AT1	13/09/2025	102.72	4.00
12	Trạm 220kV Than Uyên	AT2	13/09/2025	102.72	4.00
13	Trạm 220kV Vật Cách	AT1	18/09/2025	100.14	1.00
14	Trạm 220kV Vật Cách	AT1	18/09/2025	100.44	1.00
15	Trạm 220KV Mường Tè	AT1	23/09/2025	101.01	1.00
16	Trạm 220KV Mường Tè	AT2	23/09/2025	101.01	1.00
17	Trạm 220KV Mường Tè	AT1	23/09/2025	101.01	1.00
18	Trạm 220kV Than Uyên	AT1	29/09/2025	108.03	12.00
19	Trạm 220kV Than Uyên	AT2	29/09/2025	108.03	12.00
20	Trạm 220kV Than Uyên	AT1	30/09/2025	101.10	1.00
21	Trạm 220kV Than Uyên	AT2	30/09/2025	101.47	1.00
22	Trạm 220kV Than Uyên	AT2	30/09/2025	100.25	1.00
23	Trạm 220kV Than Uyên	AT1	30/09/2025	100.75	1.00
24	Trạm 220kV Than Uyên	AT2	30/09/2025	101.62	1.00
25	Trạm 220kV Xuân Mai	AT1	19/09/2025	101.01	1.00

Đường dây:

STT	Đường dây	Xuất hiện ngày	Mức quá tải %	Thời gian quá tải (giờ)
1	274 Tuyên Quang - 274 Phú Bình	04/09/2025	103.26	1.00
2	274 Tuyên Quang - 274 Phú Bình	05/09/2025	102.83	1.00
3	274 Tuyên Quang - 274 Phú Bình	05/09/2025	104.78	1.00
4	274 Tuyên Quang - 274 Phú Bình	05/09/2025	100.22	1.00
5	274 Tuyên Quang - 274 Phú Bình	17/09/2025	101.96	1.00
6	274 Tuyên Quang - 274 Phú Bình	17/09/2025	102.17	1.00

b. PTC2

Trạm biến áp:

STT	Trạm biến áp	MBA	Ngày	Mức quá tải MAX (%)	Thời gian quá tải (giờ)
	Không xuất hiện				

Đường dây:

STT	Đường dây	Xuất hiện ngày	Mức quá tải %	Thời gian quá tải (giờ)
	Không xuất hiện			

c. PTC3

Trạm biến áp:

STT	Trạm biến áp	MBA	Ngày	Mức quá tải MAX (%)	Thời gian quá tải (giờ)
	Không xuất hiện				

Đường dây:

STT	Đường dây	Xuất hiện ngày	Mức quá tải %	Thời gian quá tải (giờ)
	Không xuất hiện			

d. PTC4

Trạm biến áp:

STT	Trạm biến áp	MBA	Ngày	Mức quá tải MAX (%)	Thời gian quá tải (giờ)
1	Trạm 500kV Tao Đàn	AT2	30/09/25 18:00	100.08	1
2	Trạm 500kV Tao Đàn	AT2	30/09/25 20:00	100.08	1
3	Trạm 220kV Uyên Hưng	AT1	06/09/25 13:00	104.75	1
4	Trạm 220kV Uyên Hưng	AT2	06/09/25 14:00	110.37	1
5	Trạm 220kV Uyên Hưng	AT1	06/09/25 15:00	102.88	1
6	Trạm 220kV Uyên Hưng	AT2	09/09/25 14:00	102.88	1
7	Trạm 220kV Uyên Hưng	AT1	18/09/25 14:00	102.88	1
8	Trạm 220kV Uyên Hưng	AT1	26/09/25 08:00	106.61	1
9	Trạm 220kV Uyên Hưng	AT1	29/09/25 12:00	102.88	1

Đường dây:

STT	Đường dây	Xuất hiện ngày	Mức quá tải %	Thời gian quá tải (giờ)
1	220kV Bên Cát (273) - Chơn Thành (276)	21/09/25 14:00	101.98	1

2. Thống kê tình hình cắt điện trong lưới điện truyền tải

a. PTC1

Công tác theo kế hoạch

STT	Tên thiết bị, ĐD	Thời gian bắt đầu		Thời gian kết thúc	
		Ngày	Giờ	Ngày	Giờ
1	Tách ĐD 574 NĐ Thăng Long - 576 Quảng Ninh; MC 576, 566 T500 Quảng Ninh	03/09	6.00	03/09	23.00
2	Tách MBA AT1, MC 531, 561, 231 T500 Quảng Ninh	08/09	7.00	08/09	22.00
3	Tách MBA AT2, MC 232 T500 Việt Trì	07/09	0.00	07/09	23.30
4	Tách 02 ĐD 278 T500 Phô Nôi	26/09	5.00	27/09	20.00

	- 285 (255) E8.30 (220kV NĐ Hải Dương) và ĐD 277 T500 Phố Nối - 286 (256) E8.30 (220kV NĐ Hải Dương).				
5	Tách ĐD 277 T500 Phố Nối - 286 (256) E8.30 (220kV NĐ Hải Dương)	29/09	5.00	30/09	20.00
6	Tách MBA AT3; MC 233; MC 133; MC 433 T500 Quảng Ninh	05/09	7.00	05/09	18.00
7	Tách MBA AT2; MC 232; MC 132; MC 432 E5.8 (220kV Hoành Bồ)	10/09	6.00	25/09	22.00
8	Tách ĐD 274 A80 (NĐ Phả Lại) - 284 E8.30 (220kV NĐ Hải Dương); MC 284; 254 E8.30	04/09	8.00	04/09	16.00
9	Tách MBA AT2; MC 232; MC 132; MC 432; TC C29 E5.9 (220kV Trảng Bách)	14/09	23.00	15/09	7.00
10	Tách MBA AT2; MC 232; MC 132; MC 432; TC C29 E5.9 (220kV Trảng Bách)	15/09	23.00	16/09	7.00
11	Tách ĐD 171 E5.8 (Hoành Bồ 220kV) - 172 E5.41 (Yên Cư); MC 171 E5.8	08/09	8.00	09/09	20.00
12	Tách ĐD 172 E2.9 (220kV Vật Cách) - 171 E2.18 (Thép Cửu Long); Tách BVSL TC (F87B) phía 110kV E2.9 (220kV Vật Cách)	06/09	6.00	07/09	6.00
13	Tách ĐD 177 E2.9 (220kV Vật Cách) - 172 E2.34 (Thép Việt Nhật); Tách bảo vệ SLTC 110kV E2.9	11/09	6.00	12/09	6.00
14	Tách ĐD 178 E2.9 (220kV Vật Cách) - 172 E2.38 (KCN An Dương); Tách bảo vệ SLTC 110kV E2.9	16/09	6.00	17/09	6.00
15	Tách MBA AT2; ngăn lộ 232; 132; 432; SVC E6.2 (220kV Thái Nguyên)	04/09	0.00	05/09	23.00
16	Tách MBA T3; ngăn lộ 133; 333; 433 E6.2 (220kV Thái Nguyên)	04/09	1.00	13/09	23.00
17	Tách ĐD 271 (273) A22.33 (TĐ Bắc Mê) - 274 E6.2 (220kV Thái Nguyên); ngăn lộ 274 E6.2 (220kV Thái Nguyên)	04/09	5.00	04/09	17.00
18	Tách ĐD 273 E6.2 (220kV Thái Nguyên) - 271 E6.25 (220kV Phú Bình 2); MC 2 đầu ĐD	04/09	22.00	05/09	15.00
19	Tách ĐD 273 E22.4 (220kV Hà Giang) - 272 E6.2 (220kV Thái Nguyên); MC 2 đầu ĐD	07/09	22.00	08/09	23.00

20	Tách ngăn lộ MBA T3; ngăn lộ 133 E16.2 (220kV Cao Bằng)	10/09	5.00	12/09	5.00
21	Tách ĐD 273 T500 Hiệp Hoà - 271 E6.16 (220kV Phú Bình); MC 2 đầu ĐD	11/09	20.00	13/09	8.00
22	Tách lần lượt thanh cái C21; C22 E6.16 (220kV Phú Bình), kết hợp khi tách ĐD 220kV 273 T500HH (500kV Hiệp Hòa) - 271 E6.16 (220kV Phú Bình)	13/09	0.00	13/09	7.00
23	Tách ĐD 274 T500 Hiệp Hoà - 272 E6.16 (220kV Phú Bình); MC 2 đầu ĐD	14/09	0.00	14/09	15.00
24	Tách lần lượt thanh cái C21; C22 E6.16 (220kV Phú Bình), kết hợp khi tách ĐD 220kV 274 T500HH (500kV Hiệp Hòa) - 272 E6.16 (220kV Phú Bình)	14/09	0.00	14/09	7.00
25	Tách MBA T4; ngăn lộ 134; 334; 434 E6.2 (220kV Thái Nguyên)	14/09	0.00	23/09	23.00
26	Tách ĐD 220kV 285 A80II (NĐ Phả Lại) - 273 E7.6 (220kV Bắc Giang); ngăn lộ 273 E7.6 (220kV Bắc Giang)	16/09	5.00	16/09	16.00
27	Tách ĐD 220kV 272 E1.19 (220kV Sóc Sơn) - 272 T500HH (500kV Hiệp Hòa); ngăn lộ 2 đầu TBA.	16/09	5.00	16/09	15.00
28	Tách ĐD 220kV 280 T500HH (500kV Hiệp Hòa) - 272 E7.15 (220kV Quang Châu); ngăn lộ 2 đầu TBA	17/09	5.00	17/09	15.00
29	Tách ĐD 220kV 271 E1.19 (220kV Sóc Sơn) - 271 T500HH (500kV Hiệp Hòa); ngăn lộ 2 đầu TBA.	18/09	5.00	18/09	15.00
30	Tách ĐD 220kV 274 E1.19 (220kV Sóc Sơn) - 276 T500HH (500kV Hiệp Hòa); ngăn lộ 2 đầu TBA.	19/09	5.00	19/09	15.00
31	Tách ĐD 220kV 277 T500HH (500kV Hiệp Hòa) - 271 T500ĐA (500kV Đông Anh); ngăn lộ 2 đầu TBA	20/09	5.00	20/09	15.00
32	Tách ĐD 220kV 278 T500HH (500kV Hiệp Hòa) - 272 E27.15 (220kV Bắc Ninh 3); ngăn lộ 2 đầu TBA	21/09	5.00	21/09	15.00
33	Tách ĐD 220kV 279 T500HH (500kV Hiệp Hòa) - 271 E7.15 (220kV Quang Châu); ngăn lộ 2 đầu TBA	22/09	5.00	22/09	15.00
34	Tách ĐD 173 E22.4 (220kV Hà Giang) - 174 E22.1 (110kV Hà	24/09	5.00	24/09	15.00

	Giang); ngăn lộ 173 E22.4 (220kV Hà Giang)				
35	Tách ĐD 174 E1.19 (220kV Sóc Sơn) - 171 E6.24 (110kV Đa Phúc); ngăn lộ 174 E1.19 (220kV Sóc Sơn)	25/09	5.00	28/09	5.00
36	Tách ĐD 171 E22.4 (220kV Hà Giang) - 171 A22.32 (TĐ. Sông Lô 2); ngăn lộ 171 E22.4 (220kV Hà Giang)	26/09	5.00	26/09	11.00
37	Tách ĐD 172 E22.4 (220kV Hà Giang) - 173 A22.21 (TĐ Nậm Mạ 1); ngăn lộ 172 E22.4 (220kV Hà Giang)	26/09	13.00	26/09	18.00
38	Tách ĐD 220kV 272 A14.0 (TĐ.Tuyên Quang) - 273 E26.5 (220kV Bắc Kạn); ngăn lộ 273 E26.5 (220kV Bắc Kạn), cắt liên tục	27/09	5.00	29/09	17.00
39	Tách ngăn lộ MBA AT1; ngăn lộ 231; 131; 431 E26.5 (220kV Bắc Kạn)	28/09	5.00	29/09	23.00
40	Tách ĐD 172 E7.6 (220kV Bắc Giang) - 171 E7.1 (110kV Đồi Cốc); ngăn lộ 172 E7.6 (220kV Bắc Giang)	05/09	5.00	07/09	18.00
41	Tách ĐD 173 E7.6 (220kV Bắc Giang) - 172 E7.1 (110kV Đồi Cốc); ngăn lộ 173 E7.6 (220kV Bắc Giang)	07/09	18.00	10/09	6.00
42	Tách MBA AT1; ngăn lộ 231; 131; 431 E7.6 (220kV Bắc Giang)	13/09	6.00	18/09	6.00
43	Tách MBA AT2; ngăn lộ 232; 132; 432 E7.6 (220kV Bắc Giang)	20/09	6.00	25/09	6.00
44	Tách ĐD 220kV 272 E7.6 (220kV Bắc Giang) - 272 E6.25 (220kV Phú Bình 2); ngăn lộ 2 đầu TBA	30/09	6.00	01/10	6.00
45	Tách ĐD 220kV 287 T500LC (T500 Lào Cai) - 271 E22.40 (220kV Bắc Quang); ngăn lộ 287 T500LC; 271; 274 E22.40	17/09	22.00	19/09	22.00
46	Tách ngăn lộ 274 E22.40 (220kV Bắc Quang)	17/09	22.00	22/09	8.00
47	Tách ĐD 220kV 273 (274) E22.40 (220kV Bắc Quang) - 277 E12.3 (220kV Yên Bái); máy cắt 2 đầu TBA	20/09	5.00	22/09	8.00
48	Tách MBA AT1; MC 271; 273; 131; 431 E22.40 (220kV Bắc Quang)	22/09	22.00	23/09	23.00
49	Tách ĐD 281 T500 Lào Cai - 272 E20.23 (220kV Bảo Thắng); MC 2 đầu trạm (Sáng tách chiều trả)	06/09	5.00	07/09	17.00

50	Tách ĐD 285 T500 Lào Cai - 271 E20.23 (220kV Bảo Thắng); MC 2 đầu trạm (Sáng tách chiều trả)	08/09	5.00	09/09	17.00
51	Tách MBA AT2; ngăn lộ 232; 132; K402 E20.3 (220kV Lào Cai)	09/09	0.00	09/09	20.00
52	Tách ĐD 174 E12.3 (220kV Yên Bái) - 171 E12.1 (Yên Bái); MC 174 E12.3	11/09	6.00	11/09	11.00
53	Tách C11 và tách MBA AT2; 232; 132; 432 E12.3 (220kV Yên Bái)	14/09	8.00	14/09	17.00
54	Tách MBA AT1; 231; 131; 431 E12.3 (220kV Yên Bái)	20/09	1.00	22/09	22.00
55	Tách ĐD 171 E25.10 (220kV Vĩnh Tường) - 171 E25.5 (Vĩnh Tường); MC 171 E25.10	13/09	5.00	13/09	22.00
56	Tách ĐD 172 E25.10 (220kV Vĩnh Tường) - 172 E25.6 (Vĩnh Tường); MC 172 E25.10	14/09	5.00	14/09	22.00
57	Tách MBA AT2; ngăn lộ 232; 132 E25.10 (220kV Vĩnh Tường)	19/09	5.00	19/09	22.00
58	Tách ĐD 271 E25.10 (220kV Vĩnh Tường) - 272 E1.35 (220kV Sơn Tây); MC 2 đầu trạm.	20/09	5.00	20/09	22.00
59	Tách ĐD 172 E4.4 Việt Trì - 172 E25.17 Sông Lô; tách MC 172 E4.4;	03/09	5.00	05/09	17.00
60	Tách ĐD 272 E25.10 (220kV Vĩnh Tường) - 273 T500 Việt Trì; MC 2 đầu trạm.	21/09	5.00	21/09	23.00
61	Tách ĐD 171 E4.4 Việt Trì - 171 E4.18 Việt Trì 2; tách MC 171 E4.4	07/09	5.00	09/09	17.00
62	Tách ĐD 176 E4.4 Việt Trì - 172 E4.1 Việt Trì; tách MC 176 E4.4;	11/09	5.00	13/09	17.00
63	Tách ĐD 173 E4.4 Việt Trì - 171 E4.10 Phù Ninh; tách MC 173 E4.4;	15/09	5.00	17/09	17.00
64	Tách ĐD 180 E4.4 Việt Trì - 171 E4.2 Lâm Thao - 172 A4.2 Bãi Bằng; tách MC 180 E4.4;	19/09	5.00	21/09	17.00
65	Tách ĐD 177 E4.4 Việt Trì - 171 E4.6 Bắc Việt Trì; tách MC 177 E4.4;	23/09	5.00	25/09	17.00
66	Tách ĐD 174 E4.4 Việt Trì - 171 E4.17 Thụy Vân; tách MC 174 E4.4;	27/09	5.00	29/09	17.00
67	Tách: MBA AT2, MC530, MC532, MC232 (T500TT).	5/9	20.00	6/9	8.00
68	Tách: MBA AT2, MC530, MC532, MC232 (T500TT).	6/9	20.00	7/9	8.00
69	Tách: C51, MC531, MC571,	8/9	7.00	10/9	7.00

	MC 572, MC 573 T500TT, tách bảo vệ SLTC C51 cho đến khi kiểm tra mang tải xong.				
70	Tách MBA AT1, MC530, MC231 (T500TT).	11/9	5.00	11/9	18.00
71	Tách: MBA AT1, MC530, MC231 (T500TT). MC531 vẫn đang tách. Tách bảo vệ AT1 gồm F87T2, F87S cho đến khi kiểm tra mang tải xong.	13/9	5.00	14/9	23.00
72	Tách ĐD 500 kV 576 T500 Phố Nối (T500PN) – 581 Thường Tín (T500TT);	29/09	5.00	29/09	20.00
73	Tách ĐD 571T500THO (500kV Thanh Hóa) – 585T500PN (500kV Phố Nối), tách MC561, MC571T500THO (500kV Thanh Hóa)	04/09	19.00	04/09	24.00
74	Tách MBA AT1, MC 531, T500THO (500kV Thanh Hóa)	05/09	19.00	05/09	24.00
75	Tách ĐD 571 T500THO (500kV Thanh Hóa)– 585 T500PN (500kV Phố Nối); tách MC57 1T500THO (500kV Thanh Hóa)	14/09	18.00	14/09	24.00
76	Tách MBA AT1, MC 531 T500THO (500kV Thanh Hóa)	15/09	8.00	15/09	14.00
77	Tách ĐD 572 T500THO (500kV Thanh Hóa) – 586 T500PN (500kV Phố Nối), tách MC 572 T500THO (500kV Thanh Hóa)	16/09	19.00	16/09	24.00
78	Tách MBA AT2, MC 532 T500THO (500kV Thanh Hóa)	16/09	7.00	30/09	18.00
79	Tách ĐD 572 T500THO (500kV Thanh Hóa) – 586 T500PN (500kV Phố Nối), tách MC572 T500THO (500kV Thanh Hóa)	29/09	19.00	29/09	24.00
80	Tách MBA AT2, tách MC 532, 530, 222, 220 T500NS (500kV Nghi Sơn)	25/09	8.00	28/09	8.00
81	Tách MBA AT1, C51, MC: 579, 580, 231, 571 T500 Hà Tĩnh	04/09	6.00	04/09	23.00
82	Tách MBA AT2 T500 Hà Tĩnh. Tách MC 573, 572, 232 T500 Hà Tĩnh	05/09	6.00	05/09	23.00
83	Tách ĐD 574 T500 Hà Tĩnh - 574 T500 Đà Nẵng, tách TBD T504, KH504, tách TC C52 T500 Hà Tĩnh, tách MC 574, 573, 582, K504 T500 Hà Tĩnh	06/09	6.00	06/09	23.00
84	Tách ĐD 573 T500 Nghi Sơn - 580 Hà Tĩnh; MC 580, 581 T500 Hà Tĩnh; MC 563, 573 T500 Nghi Sơn. Tách TBD500,	07/09	6.00	07/09	23.00

	KH 500 T500 Hà Tĩnh				
85	Tách ĐD 582 Hà Tĩnh - 572 T500 Nghi Sơn; MC 581, 582 T500 Hà Tĩnh, MC 562, 572 T500 Nghi Sơn. Tách TBD502, KH502 T500 Hà Tĩnh	08/09	6.00	08/09	23.00
86	Tách ĐD 571 T500 Hà Tĩnh - 571 T500 Vũng Áng Tách MC 571, 572 T500 Hà Tĩnh; Tách MC 561, 571 T500 Hà Tĩnh	09/09	6.00	09/09	18.00
87	Tách MBA AT1 MC 531, 561, 231, 341 T500 Vũng Áng	09/09	7.00	09/09	22.00
88	Tách MBA AT2, MC576, MC577, MC232 T500NQ	14/09	6.00	14/09	20.00
89	Tách TC C51, MC571, MC575, MC579 T500NQ	15/09	6.00	15/09	14.00
90	Tách MC 575 T500NQ	15/09	6.00	18/09	20.00
91	Tách TC C51, MC571, MC579 T500NQ	18/09	10.00	18/09	20.00
92	Tách MBA AT1, MC572, MC573, MC231 T500NQ	19/09	0.00	19/09	23.59
93	Tách ĐD 574 Nho Quan - 574 T500 Nghi Sơn; MC 573, 574, K504, T504 T500 Nho Quan; MC 564, 574 T500 Nghi Sơn, KH504, TBD504 T500NQ	24/09	0.00	25/09	23.59
94	Tách ĐD 571 Nho Quan - 584 T500 Nghi Sơn; MC 571, 572, K501, T501 T500 Nho Quan; MC 584, 564 T500 Nghi Sơn, tách TBD501 T500NQ	26/09	0.00	27/09	23.59
95	Tách ĐD 220kV 273 Vân Trì (E1.23) – 276 Sóc Sơn (E1.19), MC 273 Vân Trì (E1.23) – 276 Sóc Sơn (E1.19) (Sáng cắt, chiều trả điện).	06/09	5.00	07/09	17.00
96	Tách ĐD 220kV 271,272 Vĩnh Yên (E25.2) - 275 Sóc Sơn (E1.19); MC 271,272 Vĩnh Yên (E25.2) - 275 Sóc Sơn (E1.19); (Sáng cắt, chiều trả điện).	09/09	5.00	09/09	17.00
97	Tách ĐD 275 T500 Thường Tín - 274 E1.4 (220kV Hà Đông), MC 275 T500 Thường Tín - 274 E1.4 (220kV Hà Đông)	11/09	5.00	11/09	17.00
98	Tách ĐD 274 E1.23 (220kV Vân Trì) - 277 E1.19 (220kV Sóc Sơn), MC 274 E1.23 (220kV Vân Trì) - 277 E1.19 (220kV Sóc Sơn) (Sáng cắt, chiều trả điện).	13/09	5.00	14/09	17.00
99	Tách ĐD 271 E1.23 (220kV Vân Trì) - 272 E1.40 (220kV Tây Hồ), MC 271 E1.23	16/09	5.00	16/09	17.00

	(220kV Vân Trì)				
100	Tách ĐD 274 E1.6 (220kV Chèm) - 272 E1.23 (220kV Vân Trì), MC 274 E1.6 (220kV Chèm) - 272 E1.23 (220kV Vân Trì)	18/09	5.00	18/09	17.00
101	Tách ĐD 273 E1.6 (220kV Chèm) - 271 E1.40 (220kV Tây Hồ), MC 273 E1.6 (220kV Chèm)	20/09	5.00	20/09	17.00
102	Tách ĐD 271 E1.4 (220kV Hà Đông) - 271 E1.11 (220kV Thành Công), MC 271 E1.4 (220kV Hà Đông) - 271 E1.11 (220kV Thành Công)	21/09	5.00	21/09	17.00
103	Tách ĐD 271 T500 Tây Hà Nội - 272 E1.11 (220kV Thành Công), MC 271 T500 Tây Hà Nội - 272 E1.11 (220kV Thành Công)	23/09	5.00	23/09	17.00
104	Tách ĐD 277 E1.4 (220kV Hà Đông) - 271,272 E10.5 (220kV Xuân Mai)	25/09	5.00	25/09	17.00
105	Tách ĐD 275 T500 Tây Hà Nội - 272 E1.6 (220kV Chèm)	27/09	5.00	27/09	17.00
106	Tách ĐD 271 E1.6 (220kV Chèm) - 272 T500 Tây Hà Nội	28/09	5.00	28/09	17.00
107	Tách ĐD 276 T500 Thường Tín - 275 E1.4 (220kV Hà Đông), MC 276 T500 Thường Tín - 275 E1.4 (220kV Hà Đông)	30/09	5.00	30/09	17.00
108	Tách 275 T500 Thường Tín - 274 E1.4 (220kV Hà Đông), MC275 (T500TT). Tách F87L cho đến khi kiểm tra mang tải xong.	16/9	7.00	18/9	23.00
109	Tách 276 T500 Thường Tín - 275 E1.4 (220kV Hà Đông), MC276 (T500TT). Tách F87L cho đến khi kiểm tra mang tải xong.	19/9	7.00	21/9	23.00
110	Tách MBA AT1, 231, 131 E1.23 (220kV Vân Trì)	06/9	6.00	21/9	19.00
111	Tách C11 E1.23 (220kV Vân Trì)	25/9	6.00	25/9	18.00
112	Tách ĐD 274 E7.15 (220kV Quang Châu) - 273, 274 E27.6 (220kV Bắc Ninh) và MC 273, 274 E27.6 (220kV Bắc Ninh)	10/09	8.00	10/09	15.00
113	Tách ĐD 271, 272 E27.6 (220kV Bắc Ninh) - 286 A80-2 (NĐ Phả Lại 2) và MC 271, 272 E27.6 (220kV Bắc Ninh)	11/09	8.00	11/09	15.00
114	Tách ĐD 171 E27.6 - 172 E27.14 (T110kV Quế Võ 2) và MC 171 E27.6 (220kV Bắc Ninh)	17/09	8.00	17/09	15.00

	Ninh)				
115	Cô lập đường dây 176 E27.6 - 171 E27.29 (T110kV Đại Kim) và MC 176 E27.6 (220kV Bắc Ninh)	18/09	8.00	18/09	15.00
116	Tách MBA T3, tách MC 133, 333, 433 E1.6 (220kV Chèm)	06/09	6.00	07/09	18.00
117	Tách ĐD 173 E1.6 (220kV Chèm) - 172 E1.9 (Nghĩa Đô)	19/09	17.00	19/09	23.00
118	Tách MBA AT5, MC 235, MC 135 E1.4 (220kV Hà Đông)	15/9	0.00	20/9	2.00
119	Tách ĐD 276 E11.1 (220kV Thái Bình) - 274 E11.20 (220kV Vũ Thư); tách MC 276, MC200, thanh cái C29 E11.1 (220kV Thái Bình)	11/09	6.00	11/09	18.00
120	Tách ĐD 272 E11.1 (Thái Bình) - 273 E28.20 (Phổ Cao); tách MC272, MC200, thanh cái C29 E11.1 (220kV Thái Bình)	18/09	6.00	18/09	18.00
121	Tách MC173, tách ĐD 173 E3.7 (220kV Nam Định) - 171 E3.12 (Nam Ninh). Tách TC C11 E3.7 (220kV Nam Định)	04/09	7.00	04/09	16.00
122	Tách MC176, tách ĐD 176 E3.7 (220kV Nam Định) - 171 E3.14 (Mỹ Lộc)	09/09	7.00	09/09	16.00
123	Tách MC172; tách ĐD 172 E3.7 (220kV Nam Định) - 172 E3.21 (Nam Điền)	10/09	5.00	12/09	5.00
124	Tách MC173; ĐD 173, Nam Định (E3.7) - 171 Nam Ninh (E3.12)	13/09	5.00	15/09	5.00
125	Tách MC174; ĐD 174, Nam Định (E3.7) - 172 Phi Trường (E3.4)	16/09	5.00	18/09	5.00
126	Tách MBA T3 E3.7 (220kV Nam Định)	19/09	5.00	21/09	5.00
127	Tách TC C29 T500NQ, tách ĐD 274 T500 Nho Quan - 271 E23.1 (220kV Ninh Bình)	07/09	0.00	07/09	23.00
128	Tách TC C29 T500NQ, tách ĐD 273 T500 Nho Quan - 272 E23.1 (220kV Ninh Bình)	13/09	5.00	13/09	22.00
129	Tách MBA AT3; MC 233; MC 133 T500NQ	21/09	0.00	21/09	23.59
130	Tách MBA AT4; MC 234; MC 134 T500NQ	22/09	0.00	22/09	23.59
131	Tách MBA AT1, MC231, MC131, MC431 E24.4 (220kV Phủ Lý)	07/09	6.00	07/09	18.00
132	Tách ĐD 177 E24.4 - 173 Đông Văn E24.3; tách MC177, MC100 E24.4 (220kV Phủ Lý)	07/09	7.00	07/09	19.00
133	Tách ĐD 174 E24.4 (220kV Phủ Lý) - 173 E3.2 (Thạch Tổ),	13/09	7.00	15/09	7.00

	tách MC174 E24.4				
134	Tách ĐD 176 E24.4 (220kV Phú Lý) - 172-7 E24.1 (XM Bút Sơn) - 172-7 E24.7 (XM Bút Sơn 2) - 171 E24.18 (XM Long Thành), tách MC 176 E24.4 (220kV Phú Lý)	20/09	7.00	22/09	7.00
135	Tách MBA AT2, MC232, MC132, MC432 E24.4 (220kV Phú Lý)	27/09	7.00	29/09	7.00
136	Tách MC171; tách ĐD 171 E3.20 (220kV Trục Ninh) - 172 E3.16 (Trục Ninh)	23/09	7.00	23/09	11.00
137	Tách MC172; tách ĐD 172 E3.20 (220kV Trục Ninh) - 171 E3.8 (Lạc Quân)	24/09	7.00	24/09	11.00
138	Tách MC173; tách ĐD 173 E3.20 (220kV Trục Ninh) - 172 E3.13 (Giao Thủy), TC C12, MC 112E3.20.	25/09	7.00	25/09	11.00
139	Tách MBA AT1, MC 231, 131, 431 E24.15 (220kV Thanh Nghị)	12/09	22.00	13/09	6.00
140	Tách MBA AT2, TCC21, TC C19, MC 232, MC 132, MC 100 E24.15 (220kV Thanh Nghị)	16/09	22.00	17/09	7.00
141	Tách MBA AT2, TCC22, MC 232, MC 132 E24.15 (220kV Thanh Nghị)	17/09	22.00	18/09	7.00
142	Tách MC 172 E24.15 (Dùng MC 100 thay cho MC 172); ĐD 172 E24.15 (220 Thanh Nghị- 172 E24.17 (XM Thành Thắng 3) có các bảo vệ: F87L, F21, F67	19/09	7.00	19/09	12.00
143	Tách ĐD 271 E9.20 (220kV Bim Sơn) - 274 E23.1 (220kV Ninh Bình), MC 271 E9.20 (220kV Bim Sơn) - 274 E23.1 (220kV Ninh Bình)	15/09	6.00	17/09	6.00
144	Tách MBA AT1, MC 231, 131, 431E9.20 (220kV Bim Sơn)	18/09	6.00	20/09	6.00
145	Tách đường dây 110kV 173E9.20 (220kV Bim Sơn) - 171E9.53 (Lốp COFO)	24/09	6.00	26/09	6.00
146	Tách đường dây 110kV 174E9.20 (220kV Bim Sơn) - 172E9.6 (Xi măng Bim Sơn)	27/09	6.00	29/09	6.00
147	Tách MBA AT2, tách MC232, 132, 432E9.10 (220kV Nghi Sơn)	08/09	7.00	08/09	17.00
148	Tách C12, C19 MBA AT1, tách MC231, 131, 431E9.10 (220kV Nghi Sơn)	11/09	7.00	12/09	7.00
149	Tách ĐD 273 E9.10 (220kV Nghi Sơn) - 272 E15.30	09/09	7.00	09/09	18.00

	(220kV Quỳnh Lưu); MC 272 E15.30 (220kV Quỳnh Lưu)				
150	Tách ĐD 274 E15.30 (220kV Quỳnh Lưu) - 275 E15.50 (220kV Nam Cẩm); MC 274 E15.30; MC275 E15.50 Nam Cẩm	10/09	7.00	10/09	18.00
151	Tách đường dây 275 E15.1 - 275 T500HT và MC275 E15.1 (220kV Hưng Đông)	28/09	6.00	28/09	20.00
152	Tách MBA AT3 T500 Hà Tĩnh, tách MC 133, 233, 433 T500 Hà Tĩnh	10/09	6.00	10/09	18.00
153	Tách ĐD 271 A18.10 (NĐ Vũng Áng) - 271 T500 Hà Tĩnh Tách MC 271 T500 Hà Tĩnh	11/09	6.00	11/09	18.00
154	Tách ĐD 274 T500 Hà Tĩnh - 273 NMNĐ Formosa, tách MC 274 T500 Hà Tĩnh	20/09	6.00	21/09	18.00
155	Tách ĐD 231 T500 Vũng Áng - 277 NMĐ Vũng Áng 1 (A18.10). (Tách cùng thời gian với tách AT1 T500 Vũng Áng)	09/09	7.00	09/09	22.00
156	Tách đường dây 220kV Vũng Áng - Đồng Hới (273A18.10VA-271, 272 Đồng Hới)	16/09	5.00	16/09	19.00
157	Tách đường dây 220kV 272 A18.10 (NĐ Vũng Áng) - 278 T500 Hà Tĩnh	17/09	5.00	17/09	19.00
158	Tách đường dây 220kV Vũng Áng - Formosa (274A18.10VA-272 A18.15FMS)	18/09	5.00	18/09	19.00

Công tác ngoài kế hoạch

STT	Tên thiết bị, ĐD	Thời gian bắt đầu		Thời gian kết thúc	
		Ngày	Giờ	Ngày	Giờ
1	Tách ĐD 176 E29.20 (Mường Tè 220kV) - 171 A29.51 (TĐ Năm Cầu 2); MC 176; TC C19; MC 100 E29.20	08/09	6.00	08/09	9.00
2	Tách ĐD 273, 274 E8.9 (T220 Hải Dương) - 274 T500PN; tách MC 273, 274 E8.9; tách MC 274 T500 Phố Nối; Tái lập ca trực E8.9	08/09	20.00	10/09	20.00
3	Tách ĐD 272 (271) E8.9 (220kV Hải Dương) - 272 A80 (NĐ Phả Lại); tách MC 271, 272 E8.9	11/09	5.00	11/09	20.00
4	Tách ĐD 171 E8.9 (220kV Hải Dương) - 171 E8.11 (Đại An); tách MC 171 E8.9	14/09	5.00	14/09	20.00
5	Tách ĐD 173 E28.1 (220kV Phố Nối)	13/09	1.00	14/09	23.00

	Nội) - 171 E28.18 (110kV Phố Nôi); tách MC 173 E28.1; tách MC 171 E28.18				
6	Tách đ/d 171 E8.20 (220kV Hải Dương 2) - 173 E8.12 (Thép Hoà Phát); tách MC 171, TC C12 E8.20.	08/09	20.00	09/09	6.00
7	Tách ĐD 172 E8.20 (220kV Hải Dương 2) - 174 E8.12 (Hòa Phát); tách MC 172; tách lần lượt thanh cái C11, C12 E8.20	10/09	20.00	11/09	6.00
8	Tách ĐD 271 E8.20 (220kV Hải Dương 2) - 273 E2.1 (220kV Đồng Hòa); tách MC 271, thanh cái C22 E8.20	12/09	22.00	13/09	6.00
9	Tách ĐD 272 E8.20 (220kV Hải Dương 2) - 274 E2.1 (220kV Đồng Hòa); tách MC 272, thanh cái C22 E8.20	13/09	22.00	14/09	6.00
10	Tách MBA AT1 E7.15 (220kV Quang Châu)	15/09	0.00	15/09	4.00
11	Tách MBA AT1 E22.40 (220kV Bắc Quang)	15/09	0.00	15/09	4.00
12	Tách ĐD 275 T500 Sơn La - 271, 272 E17.50 (220kV Mường La); MC 275; TC C29 T500 Sơn La và MC 271, 272 E17.50.	15/09	5.00	15/09	16.00
13	Tách ĐD đ/d 275 A29.10 (TĐ Huội Quảng) - 272 E12.30 (220kV Nghĩa Lộ); MC 272 E12.30	15/09	5.00	21/09	17.00
14	Tách MBA AT2; MC 272, 274, 132, 432 E8.9 (220kV Hải Dương)	15/09	5.00	15/09	19.00
15	Tách đ/d 176 E29.20 (Mường Tè 220kV) - 171 A29.51 (TĐ Nậm Cầu 2); MC 176; TC C19; MC 100 E29.20	15/09	6.00	15/09	18.00
16	Tách ĐD 276 E2.9 (220kV Vật Cách) - 272 E2.35 (220kV Thủy Nguyên); MC 276 E2.9, 272 E2.35	15/09	7.00	15/09	16.00
17	Tách đ/d 174 E8.20 (220kV Hải Dương 2) - 172 E8.23 (Thanh Hà); MC 174 E8.20 (220kV Hải Dương 2); tách lần lượt TC C11, C12 E8.20 (220kV Hải Dương 2)	15/09	20.00	16/09	6.00
18	Tách ĐD 273 E17.6 (220kV Sơn La) - 276 T500 Sơn La; MC 276; TC C29 T500SL; và MC 273 E17.6	16/09	5.00	16/09	16.00
19	Tách đ/d 173 E2.20 (220kV Đình Vũ) - 171 E2.17 (Thép Đình Vũ); MC 173 E2.20 (220kV Đình Vũ)	16/09	7.00	16/09	15.00
20	Tách ĐD 278 E2.1 (220kV Đồng Hòa) - 277 E11.1 (220kV Thái Bình); MC 278, TC C29 E2.1	16/09	8.00	16/09	15.00

	(220kV Đồng Hoà)				
21	Tách ĐD 286 A80 (NĐ Phả Lại) - 271, 272 E27.6 (220kV Bắc Ninh); MC 271, 272 E27.6	17/09	5.00	17/09	17.00
22	Tách ĐD 172 E4.4 Việt Trì – 172 E25.17 Sông Lô; tách MC 172 E4.4;	17/09	5.00	19/09	17.00
23	Tách ĐD 275 T500 Phô Nôi (T500PN) - 271 E28.15 (Yên Mỹ); Tách MC 275 T500PN, 271 E28.15	17/09	6.00	17/09	17.00
24	Tách TC C22 E8.20 (220kV Hải Dương 2); tách ĐD 275 E8.20 (220kV Hải Dương 2) - 281 E8.30 (220kV NĐ Hải Dương); MC 275; MC 281, 251 E8.30	17/09	22.00	18/09	6.00
25	Tách MBA AT1; MC 271, 273, 131, 431 E10.5 (220kV Xuân Mai)	17/09	22.00	18/09	4.00
26	Tách đ/d 171 E28.1 (220kV Phô Nôi) - 171 E28.6 (Yên Mỹ); MC 171 E28.1	17/09	23.00	19/09	23.00
27	Tách đ/d 171 E14.6 (220kV Tuyên Quang) - 172 E14.1 (Tuyên Quang); MC 171 E14.6 (220kV Tuyên Quang)	18/09	7.00	18/09	15.00
28	Tách đ/d 175 E10.5 (220kV Xuân Mai) - 171 E19.2 (Lương Sơn); MC 175 E10.5 (220kV Xuân Mai)	18/09	7.00	18/09	11.00
29	Tách MBA AT2; MC 272, 274, 132, 432 E10.5 (220kV Xuân Mai)	19/09	0.00	19/09	6.00
30	Tách ĐD 271 E4.4 (220kV Việt Trì) – 271, 272 A17.55 (TĐ Suối Sập 2A); MC 271 E4.4 (khi khôi phục đóng điện TBA 220kV Phú Thọ 2 thành 02 ĐD Xin tách F87L trong quá trình thay thế sau khi kiểm tra mang tải, sau khi kiểm tra tốt sẽ đưa F87L vào vận hành)	19/09	4.00	21/09	22.00
31	Tách đ/d 176 E1.19 (220kV Sóc Sơn) - 176 E6.16 (220kV Phú Bình); MC 176 E6.16; MC 176 E1.19	19/09	5.00	19/09	15.00
32	Tách đ/d 172 E2.35 (220kV Thủy Nguyên) - 174 E5.9 (220kV Trảng Bạch); MC 174; MC 100 E5.9	19/09	6.00	21/09	6.00
33	Tách TC C22 E8.20 (220kV Hải Dương 2); tách ĐD 276 E8.20 (220kV Hải Dương 2) - 282 E8.30 (220kV NĐ Hải Dương); MC 276 E8.20; MC 282; 252 E8.30	19/09	22.00	20/09	6.00
34	Tách ĐD 173 E2.9 (220kV Vật	20/09	6.00	21/09	6.00

	Cách) – 175 E2.2 (An Lạc); MC 173 E2.9				
35	Tách lần lượt TC C11, C12 E8.20 (220kV Hải Dương 2); Tách ĐD 176 E8.20 (220kV Hải Dương 2) - 175 E8.6 (Lai Khê); MC 176 E8.20 (220kV Hải Dương 2)	20/09	20.00	21/09	6.00
36	Tách ĐD 171 E2.1 (220kV Đồng Hòa) - 172 E2.12 (Lê Chân) - 172 E2.3 (Lạch Tray) - 171 E2.5 (Cửa Cấm) - 172 E2.13 (Cát Bì) - 171 E2.20 (220kV Đình Vũ); MC 171 E2.20; 171 E2.1	21/09	0.00	21/09	22.00
37	Tách ĐD 173 E28.1 (220kV Phở Núi) - 171 E28.18 (Phở Núi); MC 173, TC C19 E28.1	21/09	0.00	21/09	17.00
38	Tách ĐD 178 E6.16 (220kV Phú Bình) - 171 E6.13 (Yên Bình); MC 178 E6.16 (220kV Phú Bình)	21/09	0.00	21/09	7.00
39	Tách ĐD 171 E4.4 Việt Trì – 171 E4.18 Việt Trì 2; Tách MC 171 E4.4;	21/09	5.00	23/09	17.00
40	Tách ĐD 172 E14.6 (220kV Tuyên Quang) - 172 E14.13 (Tuyên Quang 2); MC172 E14.6 (220kV Tuyên Quang)	21/09	7.00	21/09	15.00
41	Tách ĐD 176 E2.9 (220kV Vật Cách) – 172 E2.22 (Thép Việt Ý); Tách MC 176 E2.9	25/09	6.00	26/09	6.00
42	Tách ĐD 271, 274 E22.40 (220kV Bắc Quang) - 287 (267) T500 Lào Cai; MC 2 đầu ĐD	26/09	22.00	30/09	22.00
43	Tách ĐD 277 E12.3 (220kV Yên Bái) - 273, 274 E22.40 (220kV Bắc Quang); MC 2 đầu ĐD	28/09	22.00	30/09	22.00
44	Tách ĐD 172 E7.6 (220kV Bắc Giang) - 171 E7.1 (110kV Đồi Cốc); Ngăn lộ 172 E7.6 (220kV Bắc Giang)	16/09	5.00	18/09	18.00
45	Tách ĐD 173 E7.6 (220kV Bắc Giang) - 172 E7.1 (110kV Đồi Cốc); Ngăn lộ 173 E7.6 (220kV Bắc Giang)	19/09	5.00	21/09	18.00
46	Tách ĐD 275 E8.20 (220kV Hải Dương 2) - 281 E8.30 (220kV NĐ Hải Dương); MC 275, TC C21 E8.20	24/09	0.00	24/09	6.00
47	Tách ĐD 272 E8.20 (220kV Hải Dương 2) - 274 E2.1 (220kV Đồng Hòa); MC 2 đầu ĐD; TC C21 E8.20	25/09	22.00	26/09	6.00
48	Tách ĐD 171 E8.9 (220kV Hải Dương) - 171 E8.11 (Đại An); MC 171 E8.9	28/09	5.00	28/09	20.00
49	Tách ĐD 171 E28.1 (220kV Phở Núi) - 171 E28.6 (Yên Mỹ); MC 171, TC C19 E28.1	28/09	0.00	28/09	17.00

50	Tách MBA AT1; MC 131; TC C12 E8.20 (220kV Hải Dương 2)	28/09	0.00	28/09	6.00
51	Tách ĐD 272 (271) E8.9 (220kV Hải Dương) - 272 A80 (NĐ Phả Lại); Tách MC 271, 272 E8.9	25/09	7.00	27/09	7.00
52	Tách ĐD 175 E28.1 (220kV Phố Nối) - 172 E28.12 (Mình Đức); Tách rơ le bảo vệ F87L ngăn lộ 175 E28.1; Tách MC 175 E28.1; Tách MC 172 E28.12	27/09	1.00	28/09	23.00
53	Tách ĐD 274 E28.10 (220kV Kim Động) - 278 T500 Thường Tín; Tách MC 274 E28.10	28/09	5.00	28/09	20.00
54	Tách ĐD 173 E2.9 (220kV Vật Cánh) - 175 E2.2 (An Lạc); tách MC 173 E2.9	27/09	6.00	28/09	6.00
55	Tách ĐD 220kV 272 E1.19 (220kV Sóc Sơn) - 272 T500HH (500kV Hiệp Hòa); MC 2 đầu ĐD	24/09	22.00	25/09	7.00
56	Tách ĐD 274 E14.6 (220kV Tuyên Quang) - 274 E6.16 (220kV Phú Bình); MC 2 đầu ĐD	28/09	0.00	28/09	15.00
57	Tách lần lượt thanh cái C21, C22 E6.16 (220kV Phú Bình), kết hợp khi tách ĐD 220kV 274 E14.6 (220kV Tuyên Quang) - 274 E6.16 (220kV Phú Bình)	28/09	0.00	28/09	7.00
58	Tách ĐD 220kV 285 A80II (NĐ Phả Lại) - 273 E7.6 (220kV Bắc Giang); MC 273 E7.6 (220kV Bắc Giang)	28/09	5.00	28/09	16.00
59	Tách ĐD 220kV 274 E14.6 (220kV Tuyên Quang) - 274 E6.16 (220kV Phú Bình), ngăn lộ 2 đầu TBA	29/09	5.00	29/09	17.00
60	Tách ĐD 220kV 274 T500HH (500kV Hiệp Hòa) - 272 E6.16 (220kV Phú Bình), ngăn lộ 2 đầu TBA	30/09	0.00	30/09	15.00
61	Tách thanh cái C21 T500HH (500kV Hiệp Hòa), kết hợp khi tách ĐD 220kV 274 T500HH (500kV Hiệp Hòa) - 272 E6.16 (220kV Phú Bình)	30/09	0.00	30/09	7.00
62	Tách lần lượt thanh cái C21, C22 E6.16 (220kV Phú Bình), kết hợp khi Tách ĐD 220kV 274 T500HH (500kV Hiệp Hòa) - 272 E6.16 (220kV Phú Bình)	30/09	0.00	30/09	7.00
63	Tách MBA AT1 E22.40 (220kV Bắc Quang)	20/09	0.00	20/09	4.00
64	Tách ĐD 173 E14.6 (220kV Tuyên Quang) - 172 E14.9 (Gò Trâu); MC 173 E14.6	24/09	7.00	24/09	15.00
65	Tách ĐD 174 E14.6 (220kV Tuyên Quang) - 173 E14.1	27/09	7.00	27/09	15.00

	(Tuyên Quang); MC 174 E14.6				
66	Tách ĐD 171 E25.10 (220kV Vĩnh Tường) - 171 E25.5 (Vĩnh Tường); MC 171 E25.10	28/09	0.00	28/09	8.00
67	Tách ĐD 172 E4.4 (220kV Việt Trì) - 172 E25.17 (Sông Lô); MC 172 E4.4;	22/09	5.00	24/09	17.00
68	Tách ĐD 171 E4.4 Việt Trì - 171 E4.18 Việt Trì 2; Tách MC 171 E4.4;	26/09	5.00	28/09	17.00
69	Tách MBA AT3; MC 233, 133, 433 T500 Quảng Ninh	25/09	20.00	26/09	10.00
70	Tách MBA AT2; MC 272; 274; 132 E5.35 (220kV Yên Hưng)	23/09	20.00	24/09	7.00
71	Tách MBA AT2; MC 232; 132; 432 E5.30 (220kV KCN Hải Hà)	26/09	20.00	27/09	7.00
72	Tách MBA AT2; MC 232, 132, 432, TC C29 E5.9 (220kV Trảng Bách)	20/09	20.00	21/09	7.00
73	Tách ĐD 172 E2.35 (220kV Thủy Nguyên) - 174 E5.9 (220kV Trảng Bách); MC 100, 174 E5.9 và MC 172 E2.35.	25/9	6.01	27/9	6.00
74	Tách ĐD 273 E17.6 (220kV Sơn La) - 276 T500 Sơn La; MC 273 E17.6; MC 276 T500SL; TC C29 T500SL	27/09	5.00	27/09	16.00
75	Tách MC 133 E8.30 (220kV NĐ Hải Dương); (NM NĐ HD tách MBA T3 A8.25 (NMNĐ Hải Dương).	22/09	7.00	22/09	22.00
76	Tách đ/d 173 E10.5 (220kV Xuân Mai) - 175 E1.35 (220kV Sơn Tây); MC 173 E10.5; MC 175 E1.35	01/10	22.00	02/10	22.00
77	Tách ĐD 272 E20.23 (220kV Bảo Thắng) - 281 T500 Lào Cai; MC 281; 261 T500 Lào Cai; MC 272 E20.23	28/09	0.00	30/09	23.00
78	Tách MBA AT2; MC 232; 132; 432; TC C29 E5.9 (220kV Trảng Bách)	28/09	7.00	28/09	22.00
79	Tách ĐD 273 (274) E8.9 (220kV Hải Dương) - 274 T500 Phố Nối; tách MC 273; 274 E8.9	29/09	7.00	01/10	7.00
80	Tách MBA AT2; MC 272; 274; 132 E7.20 (220kV Sơn Động)	29/09	8.00	30/09	22.00
81	Tách ĐD 171 E7.20 (220kV Sơn Động) - 173 E7.27 (Sơn Động); MC 171; 172; 112 E7.20 (220kV Sơn Động)	29/09	8.00	30/09	22.00
82	Tách đ/d 172 E2.35 (220kV Thủy Nguyên) - 174 E5.9 (220kV Trảng Bách); MC 172 E2.35; MC 100; 174; TC C19 E5.9 (220kV Trảng Bách)	30/09	6.00	04/10	6.00
83	Tách MBA AT2 E16.5 (220kV	30/09	8.00	30/09	11.00

Bảo Lâm)				
----------	--	--	--	--

b. PTC2

***Trạm biến áp:**

STT	ĐỐI TƯỢNG CẮT ĐIỆN	THỜI GIAN				Theo kế hoạch	Không theo kế hoạch
		Bắt đầu		Kết thúc			
		Ngày	Giờ	Ngày	Giờ		
1	MBA AT1 Đông Hới 220	04/09/25	07:06	04/09/25	17:30	x	
2	MBA AT2 Đông Hới 220	05/09/25	06:16	05/09/25	20:12	x	
3	MBA AT2 Đông Hà 220	06/09/25	08:05	07/09/25	17:06	x	
4	MBA T2 Hòa Khánh 220	11/09/25	06:29	12/09/25	11:27	x	
5	MBA T1 Huế 220	13/09/25	06:08	13/09/25	13:48	x	
6	MBA T2 Huế 220	14/09/25	07:10	14/09/25	14:10	x	
7	MBA AT3 Độc Sỏi 500	14/09/25	07:15	14/09/25	16:25	x	
8	MBA AT1 Độc Sỏi 500	15/09/25	07:54	17/09/25	18:28	x	
9	MBA AT3 Hòa Khánh220	16/09/25	06:53	16/09/25	13:57	x	
10	MBA T1 Hòa Khánh 220	17/09/25	07:30	17/09/25	11:09	x	
11	MBA AT1 Tam Kỳ 220	18/09/25	07:57	18/09/25	16:42	x	
12	MBA AT1 Ba Đồn 220	19/09/25	08:18	19/09/25	15:56	x	
13	MBA T2 Ngũ Hành Sơn220	19/09/25	08:47	19/09/25	15:26	x	
14	MBA AT2 Ba Đồn 220	20/09/25	08:18	20/09/25	20:22	x	
15	MBA T4 Sơn Hà 220	21/09/25	08:06	21/09/25	15:58	x	
16	MBA AT3 Thạnh Mỹ 220	21/09/25	07:56	21/09/25	21:22	x	
17	MBA T1 Ngũ Hành Sơn 220	22/09/25	09:02	22/09/25	16:47	x	

*** Đường dây:**

STT	ĐỐI TƯỢNG CẮT ĐIỆN	THỜI GIAN				Theo kế hoạch	Không theo kế hoạch
		Bắt đầu		Kết thúc			
		Ngày	Giờ	Ngày	Giờ		
1	ĐD 220kV 275 Lao Bảo - 275 Amaccao	03/09/25	08:33	03/09/25	17:35	x	
2	ĐD 220kV 271 Hải Châu - 272 Đà Nẵng	04/09/25	06:59	09/09/25	11:56	x	
3	ĐD 220kV 272 NMTĐ Sông Bồ - 271 Huế	04/09/25	06:28	04/09/25	17:33	x	
4	ĐD 220kV 272 NMTĐ Sông Bồ - 271 Huế	05/09/25	06:01	05/09/25	16:56	x	
5	ĐD 500kV 574 Quảng Trạch - 574 Độc Sỏi	06/09/25	13:12	06/09/25	16:00	x	
6	ĐD 220kV 271 NMTĐ Sông Bung 2 - 277 Thanh Mỹ 500	06/09/25	06:34	06/09/25	16:22	x	
7	ĐD 220kV 274 NMTĐ	07/09/25	06:32	07/09/25	16:51	x	

	Sông Bung 2 - 274 NMTĐ Sông Bung 4						
8	ĐD 220kV 273 Đà Nẵng - 272 Hòa Khánh	09/09/25	13:57	13/09/25	15:19	x	
9	ĐD 220kV 271 Duy Xuyên - 276 Tam Kỳ	09/09/25	06:34	10/09/25	13:50	x	
10	ĐD 220kV 274 Quảng Ngãi - 274 Thượng KonTum	09/09/25	06:44	09/09/25	10:22	x	
11	ĐD 220kV 276 Đông Hà - 274 Lao Bảo	11/09/25	07:08	11/09/25	17:04	x	
12	ĐD 220kV 275, 276 Đồng Hới - 275 Đông Hà	11/09/25	06:26	11/09/25	19:05	x	
13	ĐD 220kV 275, 276 Đồng Hới - 275 Đông Hà	12/09/25	06:17	12/09/25	16:46	x	
14	ĐD 220kV 272 Ba Đồn - 275 Đồng Hới	13/09/25	08:18	13/09/25	18:10	x	
15	ĐD 220kV 274 Đà Nẵng - 274 Duy Xuyên	15/09/25	06:40	19/09/25	16:23	x	
16	ĐD 220kV 273, 274 Đồng Hới - 273 BT1	16/09/25	08:53	16/09/25	16:20	x	
17	ĐD 220kV 275 Thanh Mỹ - 273 Hòa Khánh	17/09/25	08:09	17/09/25	16:51	x	
18	ĐD 220kV 271 Dốc Sỏi - 271 Dung Quất	18/09/25	06:13	18/09/25	17:26	x	
19	ĐD 220kV 276 Thanh Mỹ - 274 Hoà Khánh	19/09/25	06:11	19/09/25	17:45	x	
20	ĐD 500kV 571 Quảng Trạch - 585 Vũng Áng	19/09/25	09:45	19/09/25	16:58	x	
21	ĐD 220kV 276 Thanh Mỹ - 274 Hoà Khánh	20/09/25	06:17	20/09/25	17:02	x	
22	ĐD 220kV 271 Đà Nẵng - 271 Ngũ Hành Sơn	20/09/25	07:46	24/09/25	16:54	x	
23	ĐD 220kV 271 Ba Đồn - 271 Formosa	21/09/25	09:51	21/09/25	22:15	x	
24	ĐD 500kV 571 Dốc Sỏi-578 Pleiku	22/09/25	08:02	22/09/25	18:21	x	
25	ĐD 500kV 573 Quảng Trạch - 573 Dốc Sỏi	24/09/25	13:28	24/09/25	15:05	x	
26	ĐD 500kV 572 Đà Nẵng - 581 Thanh Mỹ 500	25/09/25	06:32	26/09/25	20:15	x	
27	ĐD 220kV 276 Lao Bảo - 271 Tài Tâm	25/09/25	16:27	25/09/25	17:37	x	
28	ĐD 220kV 271 Sơn Hà - 278 Dốc Sỏi	26/09/25	06:20	26/09/25	17:54	x	
29	ĐD 220kV 271 Sơn Hà - 278 Dốc Sỏi	27/09/25	06:21	27/09/25	15:48	x	

30	ĐD 220kV 273 Quảng Ngãi - 271 Nước Long	27/09/25	06:25	27/09/25	15:20	x	
31	ĐD 500kV 575, 576 Quảng Trạch - 584, 585 Thanh Hóa	29/09/25	09:22	29/09/25	18:13	x	
32	ĐD 500kV mạch kép 573 Quảng Trạch - 573 Đốc Sỏi	29/09/25	12:08	01/10/25	16:33	x	
33	ĐD 500kV 574 Quảng Trạch - 574 Đốc Sỏi	29/09/25	12:08	05/10/25	19:00	x	
34	ĐD 500kV 571 Quảng Trạch - 585 Vũng Áng	29/09/25	20:02	30/09/25	10:55	x	
35	ĐD 500kV 572 Quảng Trạch - 575 Vũng Áng	30/09/25	00:57	30/09/25	10:55	x	
36	ĐD 220kV 273 Thanh Mỹ500 – 272 Thanh Mỹ220	30/09/25	06:24	30/09/25	18:06	x	

c. PTC3

STT	Đối tượng cắt điện	Thời gian				Theo kế hoạch	Không theo kế hoạch
		Bắt đầu		Kết thúc			
		Ngày	Giờ	Ngày	Giờ		
1	Cô lập MC 171, MC 172 TBA 220kV Tháp Chàm.	03/09/2025	18h13	04/09/2025	05h41	x	
2	Cô lập MBA AT1, MC 231, 131, 431, TC C21 trạm 220kV Vân Phong.	04/09/2025	08h35	04/09/2025	16h04	x	
3	Cô lập MBA AT4, MC 234, 134, 434, TC C29 trạm 500kV Pleiku.	04/09/2025	06h56	04/09/2025	18h10	x	
4	Cô lập MBA AT2, MC 232, MC 132, MC 200, MC 100 TBA 220kV Tháp Chàm.	05/09/2025	18h33	05/09/2025	06h38	x	
5	Cô lập MC 275 (dùng MC 200 thay thế) trạm 220kV Vân Phong.	05/09/2025	07h32	05/09/2025	11h42	x	
6	Cô lập AT1, các MC 273, 272, 131, 931, MC 100, TC C19 trạm 220kV Chư Sê.	05/09/2025	06h33	05/09/2025	14h46	x	
7	Cô lập MBA AT1, MC 231, MC 131, MC 441, MC 200, MC 100 TBA 220kV Tháp Chàm.	05/09/2025	19h09	06/09/2025	05h21	x	
8	Cô lập MC 276 (dùng MC 200 thay thế) trạm 220kV Vân Phong.	05/09/2025	12h40	05/09/2025	16h13	x	
9	MC 174, TU 174 trạm 220kV Tháp Chàm	05/09/2025	17h14	06/09/2025	05h20	x	
10	Cô lập MC 278 (dùng MC 200 thay thế) trạm 220kV Vân Phong.	06/09/2025	07h11	06/09/2025	11h13	x	

11	Cô lập AT2, các MC 274, 271, 132, 100, TC C12, C22, C19 trạm 220kV Chư Sê.	06/09/2025	7h18	06/09/2025	17h25	x	
12	Cô lập MC 200 trạm 220kV Vân Phong.	06/09/2025	12h56	06/09/2025	15h00	x	
13	Cô lập MC 175, TU175 TBA 220kV Tháp Chàm.	06/09/2025	18h56	07/09/2025	1h30	x	
14	Cô lập MC 100, 176 TC C12, C19 trạm 220kV Chư Sê.	07/09/2025	8h29	07/09/2025	15h38	x	
15	Cô lập MC 176, TU176 TBA 220kV Tháp Chàm.	07/09/2025	18h30	07/09/2025	23h21	x	
16	Cô lập MBA AT1, MC 571, 574, 231 TBA 500kV Di Linh.	07/09/2025	6h52	07/09/2025	16h10	x	
17	MC 172, DCL 172-7, TU 172, TC C19 trạm 220kV Nha Trang.	07/09/2025	3h42	07/09/2025	16h07	x	
18	MC 578 trạm 500kV Pleiku	08/09/2025	8h07	09/09/2025	14h31	x	
19	Cô lập MC 273, TU273 TBA 220kV Tháp Chàm; MC 271, TU271 TBA 220kV Phước Thái. Đường dây 220V 271 Phước Thái – 273 Tháp Chàm.	08/09/2025	18h38	09/09/2025	0h03	x	
20	Cô lập ĐD 274 NMTĐ An Khê – 272 NMĐ SK An Khê.	08/09/2025	14h26	08/09/2025	21h32	x	
21	Cô lập MC 212, TC C22, C29 trạm 220kV Vân Phong.	08/09/2025	8h58	08/09/2025	15h08	x	
22	Cô lập MC 171, TI 171 trạm 220kV Vân Phong.	09/09/2025	8h17	09/09/2025	16h25	x	
23	Cô lập MC 100, 177 TC C12, C19 trạm 220kV Chư Sê.	09/09/2025	6h37	09/09/2025	15h30	x	
24	Cô lập MC 271 (dùng MC 200 thay thế MC 271, Cô lập chức năng F87L, F85 DTT gần 271 trạm 220kV Krông Búk	09/09/2025	13h38	09/09/2025	23h22	x	
25	Cô lập MC 180, TI 180 trạm 220kV Vân Phong.	09/09/2025	8h17	09/09/2025	16h25	x	
26	Cô lập MC 173, TU173 TBA 220kV Tháp Chàm.	09/09/2025	19h04	10/09/2025	5h09	x	
27	Cô lập ĐD 220kV 272 Hàm Thuận - 273 Xuân Lộc	09/09/2025	7h32	09/09/2025	14h21	x	
28	Cô lập MC 175, DCL 175-7, TU 175, TC C19 trạm 220kV Krông Búk	09/09/2025	16h26	09/09/2025	21h35	x	
29	TC C51, DCL 573-1, DCL 576-1 T500 Vĩnh Tân	09/09/2025	16h52	09/09/2025	23h50	x	
30	Cô lập ĐD 220kV 271 Krông Búk - 272 NMĐG Cư	09/09/2025	17h10	09/09/2025	23h22	x	

	Né 1 và MC 271 trạm 220kV Krông Búk.						
31	Cô lập MC 272 Trạm 220kV Phan Thiết; ĐD 220kV 272 Phan Thiết- 273 Hàm Thuận	10/09/2025	08h33	10/09/2025	16h18	x	
32	Cô lập ngăn 271 Trạm 220kV Vĩnh Hảo; ĐD 271 Vĩnh Hảo - 274 Phan Rí	10/09/2025	18h12	11/09/2025	00h07	x	
33	Cô lập MC 173, DCL 173-7, TU 173 trạm 220kV Krông Búk.	10/09/2025	06h34	10/09/2025	14h24	x	
34	Cô lập MC 172, (dùng MC 100 thay thế) trạm 220kV Vân Phong.	10/09/2025	07h25	10/09/2025	11h01	x	
35	Cô lập MC 173, (dùng MC 100 thay thế) trạm 220kV Vân Phong.	10/09/2025	11h59	10/09/2025	16h30	x	
36	Cô lập MC 174, (dùng MC 100 thay thế) trạm 220kV Vân Phong.	11/09/2025	07h13	11/09/2025	12h03	x	
37	Cô lập MC 176, TI 176 (dùng MC 100 thay thế) trạm 500kV Pleiku.	11/09/2025	06h00	11/09/2025	11h25	x	
38	Cô lập MC 181, (dùng MC 100 thay thế) trạm 220kV Vân Phong.	11/09/2025	14h15	11/09/2025	16h26	x	
39	Cô lập ĐD 220kV 272 Vĩnh Hảo - 274 Vĩnh Tân; ngăn 272 Trạm Vĩnh Hảo	11/09/2025	00h40	11/09/2025	04h00	x	
40	Cô lập ĐD 271 Hàm Tân - 273 Châu Đức; Ngăn 271 Hàm Tân	11/09/2025	19h12	11/09/2025	23h07	x	
41	Cô lập MC 272 Trạm 220kV Bảo Lộc; ĐD 220kV 272 Bảo Lộc - 274 Hàm Thuận	11/09/2025	08h29	11/09/2025	15h15	x	
42	Cô lập ĐD 220kV 275 Tháp Chàm – 272 Đa Nhim; MC 275, TU275 TBA 220kV Tháp Chàm.	11/09/2025	18h31	12/09/2025	06h00	x	
43	Cô lập MC 171, T1171 (dùng MC 100 thay thế) trạm 220kV Krông Búk.	12/09/2025	06h33	12/09/2025	13h03	x	
44	Cô lập MBA AT1, MC 231, 131, 431, TD41 TBA 220kV Phù Mỹ.	12/09/2025	07h03	12/09/2025	16h30	x	
45	Cô lập MC 112, TC C12, C19 trạm 220kV Vân Phong.	12/09/2025	08h30	12/09/2025	15h31	x	
46	Cô lập MC 100, TC C12, C19 trạm 220kV Vân Phong.	12/09/2025	08h30	12/09/2025	15h28	x	
47	Cô lập ĐD 220kV 271 Đa Mĩ - 271 Hàm Thuận	12/09/2025	08h47	12/09/2025	16h00	x	
48	Cô lập MC 180 và TI 180 trạm 220kV Vạn Ninh	12/09/2025	08h05	14/09/2025	12h19	x	
49	Cô lập MBA AT2, MC 232,	13/09/2025	06h46	13/09/2025	16h03	x	

	132 TBA 220kV Phù Mỹ.						
50	Cô lập MC 172, TC C19, C12 TBA 220kV Phù Mỹ.	14/09/2025	06h55	14/09/2025	14h10	x	
51	Cô lập ĐD 220kV 272 Đa Mi - 274 Xuân Lộc	14/09/2025	07h02	14/09/2025	16h45	x	
52	Cô lập MBA AT2, MC 572, 573, 232, 442 TBA 500kV Dĩ Linh.	14/09/2025	06h49	14/09/2025	17h12	x	
53	Cô lập Đường dây 220kV 271 Quy Nhơn – 271 Tuy Hòa; MC 271 T220 Tuy Hòa; MC 271 T220 Quy Nhơn; Đăng ký tái lập ca trực và chuyển phân quyền điều khiển về trạm 220kV Tuy Hòa.	14/09/2025	16h24	14/09/2025	23h14	x	
54	Cô lập MC 112 177 178 180 181 và C11	14/09/2025	08h05	14/09/2025	20h00	x	
55	Cô lập MC 174 (Kết hợp công tác của Công ty Điện lực Lâm Đồng từ ngày 11/9 đến ngày 18/9/2025)	15/09/2025	10h23	15/09/2025	18h42	x	
56	Cô lập MBA AT1, MC 561, 531, 231 TBA 500kV Vân Phong.	15/09/2025	06h57	15/09/2025	16h45	x	
57	Cô lập MC 172 TBA 220kV Phan Thiết 2.	15/09/2025	08h13	15/09/2025	13h48	x	
58	Cô lập MC 173 TBA 220kV Phan Thiết 2.	15/09/2025	14h35	15/09/2025	18h00	x	
59	Cô lập ĐD 276 Tuy Hòa - 273 Hòa Hội; MC 276 Tuy Hòa	16/09/2025	06h55	17/09/2025	17h00	x	
60	Cô lập MC 179, TC C19, C12 TBA 220kV Phù Mỹ.	16/09/2025	06h45	16/09/2025	14h04	x	
61	Cô lập MC 174, 176 (176 đang cắt) TBA 220kV Phan Thiết 2.	16/09/2025	06h40	16/09/2025	01h49	x	
62	Cô lập MC 180, TC C19, C12 TBA 220kV Phù Mỹ.	16/09/2025	06h45	16/09/2025	14h04	x	
63	Cô lập MBA AT2, TD32, MC 562, 532, 232, 342 TBA 500kV Vân Phong.	17/09/2025	07h07	18/09/2025	17h53	x	
64	Cô lập MC 177 T1 177 TU 177 trạm 220kV Phan Thiết	17/09/2025	18h39	17/09/2025	22h17	x	
65	Cô lập ĐD 272 An Khê – 277 Phước An; MC 277 TBA 220kV Phước An; MC 272, 274 An Khê	17/09/2025	15h17	17/09/2025	21h15	x	
66	Cô lập MBA 220kV AT1; các MC 231 131 441 TBA 220kV Tháp Chàm	17/09/2025	18h50	17/09/2025	22h23	x	
67	Cô lập KH503 trạm 500kV Đắk Nông	18/09/2025	08h16	18/09/2025	12h03	x	
68	Cô lập MBA T3 133 433 trạm 220kV Krông Buk	18/09/2025	07h58	18/09/2025	14h23	x	
69	Cô lập đường dây 276 Phan	18/09/2025	18h09	18/09/2025	0h04	x	

	Thiết - 272 Hồng Phong 1A; MC 276 TBA 220kV Phan Thiết.						
70	Cô lập MC 271 (dùng MC 200 thay thế) trạm 500kV Vân Phong.	19/09/2025	09h00	19/09/2025	16h00	x	
71	Cô lập đường dây 275 Phan Thiết - 272 Phan Rí; MC 275 TBA 220kV Phan Thiết; MC 272 Phan Rí.	19/09/2025	17h32	19/09/2025	23h00	x	
72	Cô lập MBA AT1 272 131 431 trạm 220kV Krông Ana	19/09/2025	7h05	19/09/2025	15h12	x	
73	Dùng MC 200 thay thế lần lượt các MC 274, 275, 276 trạm 220kV Tuy Hòa (04 giờ/ 1 máy cắt).	20/09/2025	06h00	20/09/2025	16h43	x	
74	Cô lập MC 273 (dùng MC 200 thay thế) trạm 500kV Vân Phong.	20/09/2025	08h57	20/09/2025	14h25	x	
75	Cô lập MBA AT2, 232, 132, 432 trạm 220kV Tuy Hòa.	21/09/2025	14h31	21/09/2025	17h27	x	
76	Cô lập MBA AT1, 231, 131 trạm 220kV Tuy Hòa.	21/09/2025	10h23	21/09/2025	13h14	x	
	Cô lập MC 200 trạm 220kV Tuy Hòa.	21/09/2025	06h40	21/09/2025	09h29	x	
77	Cô lập MC 274 (dùng MC 200 thay thế) trạm 500kV Vân Phong.	22/09/2025	08h45	22/09/2025	15h11	x	
78	MC 174 ĐCL 174-7 TU 174 TBA 220kV Tháp Chàm	22/09/2025	17h49	22/09/2025	22h29	x	
79	Cô lập KH504 K504 KTT504 trạm 500kV Đắk Nông.	22/09/2025	07h32	22/09/2025	15h54	x	
80	Cô lập MC578 MC568 TBD508 KH508 DCL 578-7 trạm 500kV Pleiku	22/09/2025	08h00	22/09/2025	17h02	x	
81	Cô lập đường dây 274 Phan Thiết - 273 Bảo Lộc; MC 274, 212; Lần lượt TC C21, C22 TBA 220kV Phan Thiết; MC 273 Bảo Lộc.	24/09/2025	15h30	24/09/2025	03h15	x	
82	Cô lập MC 212, TC C21 trạm 500kV Vân Phongtrạm 500kV Vân Phong.	23/09/2025	08h42	23/09/2025	15h15	x	
83	MC 100, TC C19 trạm 220kV Krông Ana	23/09/2025	14h32	23/09/2025	15h17	x	
84	Cô lập MC 175 112; Lần lượt TC C11 C12 TBA 220kV Phan Thiết.	24/09/2025	17h35	25/09/2025	05h00	x	
85	Cô lập MC 171, TU171, TI171 Trạm 220kV Phù Mỹ	24/09/2025	18h44	24/09/2025	23h32	x	
86	Cô lập ĐD 572 Vĩnh Tân - 572 Vĩnh Tân 4; MC 562, 572 trạm 500kV Vĩnh Tân.	24/09/2025	06h49	24/09/2025	18h26	x	
87	Cô lập MC 212, 200, TC C22, C29 trạm 500kV Vân	24/09/2025	08h44	24/09/2025	15h12	x	

	Phong.						
88	Cô lập lần lượt TC C12, C11 trạm 220kV Tuy Hòa.	25/09/2025	06h32	25/09/2025	18h29	x	
89	Cô lập MBA AT1 MC 231 131 941; MC 171 TU171 MC 112 và lần lượt thanh cái C11 C12 Trạm 220kV Bảo Lộc.	25/09/2025	18h02	26/09/2025	2h01	x	
90	Cô lập ĐD 220kV 274 - Tháp Chàm - 271 Mỹ Sơn HLK; MC 274, TU274 TBA 220kV Tháp Chàm.	25/09/2025	18h34	25/09/2025	23h50	x	
91	Cô lập ĐD 220kV 276 - Tháp Chàm - 274 Xuân Thiện; MC 276, TU276 TBA 220kV Tháp Chàm.	26/09/2025	19h32	27/09/2025	05h29	x	
92	Cô lập MC 100 (E08), TC C19, MBA AT1, MC 131 (E10), MC 175, DCL 175-7, TU 175 trạm 220kV Tuy Hòa.	28/09/2025	08h09	28/09/2025	18h39	x	
93	Cô lập MC 176, DCL 176-7, TU 176 trạm 220kV Tuy Hòa.	28/09/2025	17h47	28/09/2025	18h39	x	
94	Cô lập ĐD 220kV 277 Tháp Chàm - 275 Nha Trang; MC 277, lần lượt TC C21, C22 trạm Tháp Chàm, MC trạm 275 Nha Trang.	30/09/2025	18h44	01/10/2025	05h55	x	
95	Cô lập MC 171, MC 172 TBA 220kV Tháp Chàm.	03/09/2025	18h13	04/09/2025	05h41	x	

d. PTC4

Trạm biến áp

STT	Máy biến áp, thiết bị ngừng cấp điện		Thời gian				Nội dung công tác	
			Bắt đầu		Kết thúc		Theo kế hoạch	Không theo KH
			Ngày	Giờ	Ngày	Giờ		
I	Trạm biến áp	Thiết bị cô lập						
1	Trạm 220kV Giá Rai	C12	29/09	07:25	30/09	17:00	x	
2	Trạm 220kV Trảng Bàng	C12	28/09	08:02	28/09	16:06	x	
3	Trạm 220kV Long Xuyên 2	232	28/09	07:22	28/09	23:00	x	
4	Trạm 220kV Cà Mau	C12	28/09	07:15	28/09	18:58	x	
5	Trạm 220kV Tây Ninh	C22	25/09	06:39	25/09	17:43	x	
6	Trạm 220kV Sóc Trăng	276	24/09	06:29	24/09	17:33	x	
7	Trạm 220kV Bình Long	C12	22/09	09:05	22/09	17:15	x	
8	Trạm 220kV Mỹ Tho 2	172	20/09	08:03	20/09	14:30	x	
9	Trạm 220kV Cà Mau	131	19/09	09:27	19/09	16:47	x	
10	Trạm 500kV Đức Hòa	C21	18/09	08:54	18/09	17:05	x	
11	Trạm 500kV Mỹ Tho	531	18/09	06:42	18/09	18:39	x	

STT	Máy biến áp, thiết bị ngừng cấp điện		Thời gian				Nội dung công tác	
			Bắt đầu		Kết thúc		Theo kế hoạch	Không theo KH
			Ngày	Giờ	Ngày	Giờ		
12	Trạm 220kV Đức Hòa	432	14/09	09:04	14/09	18:13	x	
13	Trạm 220 kV Cai Lậy	174	13/09	05:30	13/09	18:23	x	
14	Trạm 500kV Mỹ Tho	532	12/09	09:50	12/09	13:35	x	
15	Trạm 220kV Trảng Bàng	172	07/09	08:39	07/09	12:45	x	
16	Trạm 220kV Mỹ Tho 2	132	07/09	06:15	07/09	15:26	x	
17	Trạm 220kV Long Thành	T102	06/09	08:37	06/09	15:35	x	
18	Trạm 500kV Long Phú	531	06/09	08:35	06/09	16:00	x	
19	Trạm 220kV Long Thành	174	06/09	08:00	06/09	17:00	x	
20	Trạm 220kV Long Thành	183	06/09	05:55	07/09	17:52	x	
21	Trạm 220kV Châu Thành (Hậu Giang)	178	05/09	09:03	05/09	20:05	x	
22	Trạm 220kV Long Thành	C22	05/09	04:59	05/09	18:00	x	
23	Trạm 220kV Long Xuyên 2	C12	05/09	04:54	05/09	19:50	x	
24	Trạm 500kV Tân Uyên	176	30/09	08:20	01/10	17:20	x	
25	Trạm 220kV Long Bình	AT2	29/09	22:00	30/09	06:00	x	
26	Trạm 220kV Long Bình	C12	29/09	22:00	30/09	06:00	x	
27	Trạm 500kV Phú Lâm	112	29/09	08:14	29/09	13:46	x	
28	Trạm 220kV Tân Biên	172	29/09	07:12	29/09	15:15	x	
29	Trạm 220kV Mỹ Xuân	441	28/09	09:00	28/09	18:52	x	
30	Trạm 500kV Nhà Bè	236	28/09	08:02	28/09	18:22	x	
31	Trạm 220kV Mỹ Phước	274	28/09	07:39	28/09	16:49	x	
32	Trạm 220kV Tao Đàn	431	28/09	07:30	28/09	17:34	x	
33	Trạm 220kV Bến Cát	C21	28/09	07:00	28/09	14:40	x	
34	Trạm 220kV Tân Thành	174	27/09	14:09	27/09	16:07	x	
35	Trạm 220kV Tân Thành	173	27/09	09:00	27/09	12:43	x	
36	Trạm 220kV Châu Thành (Hậu Giang)	AT2	27/09	07:35	27/09	18:30	x	
37	Trạm 500kV Tân Định	C11	27/09	00:53	27/09	03:17	x	
38	Trạm 500kV Cầu Bông	C29	26/09	11:04	26/09	15:23	x	
39	Trạm 220kV Bình Long	175	26/09	08:11	26/09	13:15	x	
40	Trạm 500kV Duyên Hải	582	26/09	00:00	28/09	17:00	x	
41	Trạm 500kV Tân Uyên	173	25/09	09:29	26/09	18:43	x	
42	Trạm 220kV Cát Lái	C22	25/09	09:10	25/09	12:48	x	
43	Trạm 220kV Rạch Giá	C12	25/09	08:45	25/09	11:49	x	
44	Trạm 220kV Bến Cát	175	25/09	08:30	25/09	16:44	x	
45	Trạm 220kV Châu Đốc	132	25/09	08:08	25/09	12:33	x	
46	Trạm 220kV Bến Tre	177	25/09	06:39	25/09	17:12	x	
47	Trạm 220kV Rạch Giá	C11	24/09	08:32	24/09	13:29	x	
48	Trạm 220kV Long Thành	180	24/09	05:39	24/09	14:54	x	
49	Trạm 220kV Ô Môn 2	233	23/09	07:10	23/09	12:10	x	
50	Trạm 500kV Phú Lâm	C41	21/09	08:46	22/09	19:55	x	

STT	Máy biến áp, thiết bị ngừng cấp điện		Thời gian				Nội dung công tác	
			Bắt đầu		Kết thúc		Theo kế hoạch	Không theo KH
			Ngày	Giờ	Ngày	Giờ		
51	Trạm 220kV Xuân Lộc	175	20/09	23:00	21/09	16:00	x	
52	Trạm 220kV Long Xuyên 2	C12	20/09	13:30	20/09	22:00	x	
53	Trạm 220kV Bình Chánh	C22	20/09	09:07	20/09	16:42	x	
54	Trạm 220kV Tây Ninh	232	20/09	08:22	20/09	16:07	x	
55	Trạm 220kV Xuân Lộc	112	20/09	08:00	21/09	14:56	x	
56	Trạm 220kV Bình Chánh	T4	20/09	08:00	20/09	22:42	x	
57	Trạm 220kV Châu Đốc	171	20/09	07:51	20/09	22:51	x	
58	Trạm 220kV Sóc Trăng	AT1	20/09	07:49	21/09	22:49	x	
59	Trạm 220kV Thốt Nốt	132	20/09	07:47	21/09	22:47	x	
60	Trạm 220kV Châu Đốc	172	20/09	07:07	20/09	15:10	x	
61	Trạm 220kV Long Thành	183	20/09	06:40	21/09	14:43	x	
62	Trạm 500kV Tân Định	C12	20/09	06:00	20/09	22:37	x	
63	Trạm 500kV Tân Định	C51	20/09	06:00	21/09	16:00	x	
64	Trạm 220kV Long Xuyên 2	C11	20/09	05:00	20/09	14:38	x	
65	Trạm 500kV Duyên Hải	532	20/09	04:00	22/09	16:00	x	
66	Trạm 220kV Mỹ Phước	C11	19/09	22:00	20/09	04:00	x	
67	Trạm 220kV Tp Nhơn Trạch	273	19/09	06:36	19/09	16:53	x	
68	Trạm 500kV Chơn Thành	C21	18/09	10:43	18/09	16:10	x	
69	Trạm 220kV Mỹ Xuân	232	18/09	06:15	18/09	15:10	x	
70	Trạm 220kV Hóc Môn	C12	14/09	10:50	14/09	15:58	x	
71	Trạm 220kV Long Thành	112	14/09	08:38	14/09	11:40	x	
72	Trạm 220kV Thủ Đức	AT2	14/09	07:39	14/09	16:41	x	
73	Trạm 220kV Mỹ Phước	431	14/09	07:06	14/09	15:56	x	
74	Trạm 220kV Bình Hòa	443	14/09	06:50	14/09	17:23	x	
75	Trạm 220kV Thủ Đức	434	13/09	07:55	13/09	13:02	x	
76	Trạm 500kV Duyên Hải	530	13/09	07:21	13/09	16:53	x	
77	Trạm 220kV Cần Thơ 2	231	13/09	07:18	13/09	16:04	x	
78	Trạm 220kV Bình Chánh	C21	13/09	06:42	13/09	18:14	x	
79	Trạm 220kV Kiên Bình	175	13/09	06:30	13/09	18:42	x	
80	Trạm 220kV Xuân Lộc	112	13/09	06:18	13/09	17:17	x	
81	Trạm 220kV Châu Đức	272	12/09	16:00	12/09	22:00	x	
82	Trạm 220kV Tân Thành	131	12/09	08:40	12/09	19:52	x	
83	Trạm 220kV Tân Thành	C12	12/09	08:00	12/09	16:00	x	
84	Trạm 500kV Duyên Hải	532	12/09	07:21	12/09	17:01	x	
85	Trạm 500kV Phú Mỹ	C51	10/09	23:50	11/09	06:11	x	
86	Trạm 500kV Cầu Bông	575	10/09	23:37	11/09	03:23	x	
87	Trạm 500kV Đức Hòa	562	10/09	08:54	10/09	13:15	x	
88	Trạm 500kV Tân Uyên	274	10/09	08:30	10/09	16:30	x	
89	Trạm 220kV Vĩnh Long	C22	10/09	07:50	10/09	16:55	x	
90	Trạm 500kV Phú Mỹ	562	10/09	07:40	10/09	22:04	x	
91	Trạm 220kV Cát Lái	C21-	10/09	07:05	10/09	17:00	x	

STT	Máy biến áp, thiết bị ngừng cấp điện		Thời gian				Nội dung công tác	
			Bắt đầu		Kết thúc		Theo kế hoạch	Không theo KH
			Ngày	Giờ	Ngày	Giờ		
		C22						
92	Trạm 500kV Chơn Thành	C19	09/09	07:45	09/09	16:57	x	
93	Trạm 220kV Xuân Lộc	273	09/09	07:35	09/09	15:51	x	
94	Trạm 220kV Uyên Hưng	C22	09/09	06:49	09/09	17:11	x	
95	Trạm 220kV Nhà Bè	C11	07/09	19:04	07/09	20:23	x	
96	Trạm 220kV Kiên Bình	C11	07/09	08:40	07/09	16:50	x	
97	Trạm 220kV Thủ Đức	C22	07/09	07:59	07/09	19:52	x	
98	Trạm 220kV Thủ Đức	179	07/09	07:29	07/09	16:57	x	
99	Trạm 220kV Sóc Trăng	AT2	07/09	07:02	07/09	18:48	x	
100	Trạm 220kV Long Thành	112	07/09	05:55	07/09	17:52	x	
101	Trạm 220kV Nhà Bè	173	04/09	06:49	07/09	20:23	x	
102	Trạm 220kV Long Xuyên 2	C11	04/09	06:05	04/09	18:30	x	
103	Trạm 500kV Duyên Hải	581	03/09	10:01	07/09	19:49	x	

Đường dây:

II	Đường dây						
1	220kV Bạc Liêu (273) - Sóc Trăng (271)	26/09	05:00	07/10	20:00	x	
2	220kV Phú Lâm (273) - Đức Hòa (277)	12/09	08:10	12/09	15:22	x	
3	220kV Mỹ Tho 500 (271) - Cai Lậy (272)	08/09	06:52	08/09	14:20	x	
4	500kV Sông Mỹ (575, 565) - Tân Định (575)	06/09	08:03	06/09	15:41	x	
5	500kV Duyên Hải (571, 561) - Mỹ Tho (584, 564)	06/09	06:02	07/09	19:49	x	
6	220kV Xuân Lộc (271) - Long Thành (275)	05/09	07:11	05/09	17:00	x	
7	220KV Thuận An (275) - Hóc Môn (272)	29/09	22:00	30/09	06:00	x	
8	220kV Tân Uyên (277)- Thủ Đức (274)	28/09	06:18	29/09	16:40	x	
9	220kV Thủ Đức (272) - Hóc Môn (275)	28/09	05:42	29/09	15:15	x	
10	220kV Tân Uyên (275) - Thuận An (272)	28/09	05:41	28/09	14:30	x	
11	500kV Duyên Hải (572, 562) - Mỹ Tho (583, 563)	27/09	00:00	28/09	17:00	x	
12	220kV Sông Mỹ (277) - Uyên Hưng (275)	26/09	21:00	27/09	04:00	x	
13	220kV Định Quán (271) - Sông Mỹ (274)	26/09	11:36	26/09	16:06	x	
14	572 Tân Định - 575 Cầu Bông	25/09	19:56	26/09	04:41	x	
15	220kV Mỹ Phước (273) - Uyên Hưng (277)	23/09	06:08	23/09	18:08	x	
16	500kV Mỹ Tho (585) - Ô Môn (576)	20/09	07:17	20/09	16:00	x	
17	220kV Chơn Thành (273) - Bình Long	20/09	06:00	20/09	22:33	x	

	(275)						
18	220kV NMD Nhơn Trạch (276) - NMD Nhơn Trạch 3 (271)	20/09	06:00	20/09	17:00	x	
19	220kV Duyên Hải (273) - Trà Vinh (275)	18/09	07:17	19/09	17:05	x	
20	500kV NMNĐ Phú Mỹ 4 (571) - Phú Mỹ (561,581)	18/09	06:35	18/09	16:35	x	
21	500kV NMNĐ Phú Mỹ 4 (573) - Phú Mỹ (562,582)	15/09	06:30	15/09	15:50	x	
22	220 kV NMD Cà Mau (273,253) - Rạch Giá (273)	15/09	05:55	15/09	15:15	x	
23	571, 572 Đắc Nông - 574 Cầu Bông	14/09	09:22	14/09	13:13	x	
24	220kV Đa Mi (272) - Xuân Lộc (274)	14/09	07:02	14/09	16:19	x	
25	220kV Mỹ Tho (271) - Bến Tre (273)	14/09	07:00	14/09	17:44	x	
26	220kV NMD Nhơn Trạch (274) - Thủ Đức (275)	09/09	10:52	09/09	11:51		x
27	220kV Ô Môn 2 (274, 254) - Châu Thành HG (271)	09/09	08:55	09/09	16:55	x	
28	584 Cầu Bông - 584 Đức Hoà	07/09	08:48	07/09	14:59	x	
29	220kV Tân Uyên (276) - Thủ Đức (273)	07/09	06:45	07/09	16:55	x	
30	220kV Vĩnh Long (272) - Trà Vinh (274)	07/09	06:45	07/09	19:51	x	

3. Thống kê các thanh cái trong lưới điện truyền tải có điện áp không đạt tiêu chuẩn theo quy định

STT	Tên TBA	Số lần	Tổng số thời gian	Điện áp cao nhất	Điện áp thấp nhất
500kV					
1	Trạm 500kV Hà Tĩnh	1	1.00	528.7	
2	Trạm 500kV Long Phú	40	40.00	531.0	
3	Trạm 500kV Ô Môn	3	3.10	529.4	
4	Trạm 500kV Phú Lâm	2	2.00	525.8	
5	Trạm 500kV Phú Mỹ	3	3.00	526.4	
6	Trạm 500kV Thanh Hóa	335	334.20	536.1	
7	Trạm 500kV Vũng Áng	17	17.00	532.0	
220kV					
1	Trạm 500kV Thanh Hóa	8	8.00	242.1	
2	Trạm 220kV Nghi Sơn	5	5.00	245.4	
3	Trạm 220kV Khu Kinh Tế Nghi Sơn	3	3.00	242.8	
4	Trạm 220kV Nông Cống	1	1.00	242.0	

4. Độ tin cậy của lưới điện truyền tải

TT	Đơn vị	Sản lượng điện năng không cung cấp được kWh)		Lũy kế năm 2025 (kWh)	Tăng, giảm so với tháng trước
		Tháng 09/2025	Tháng 08/2025		
1	EVNNPT	1303	0	1,481,434	1303

5. Tỷ lệ điện dùng để truyền tải từng cấp điện áp

Tỷ lệ điện dùng để truyền tải tháng 9/2025 theo cấp điện áp và theo từng Công ty Truyền tải điện so với cùng kỳ năm 2024:

Đơn vị		Tháng 9/2024			Tháng 9/2025			So sánh Δ^{25-24}				KH ΔA 2025 (%)	So sánh với KH2025
		SL (tỷ kWh)	ΔA (tỷ kWh)	ΔA (%)	SL (tỷ kWh)	ΔA (tỷ kWh)	ΔA (%)	SL (tỷ kWh)	SL (%)	ΔA (tỷ kWh)	ΔA (%)		
TTĐ1	Chung	10,37	0,33	3,20%	11,95	0,36	3,01%	1,57	15,17%	0,028	-0,19%	2,18%	0,83%
	500kV	4,57	0,13	2,83%	6,36	0,14	2,14%	1,79	39,13%	0,007	-0,69%	1,88%	0,26%
	220kV	11,18	0,20	1,81%	12,83	0,22	1,74%	1,65	14,71%	0,021	-0,07%	1,24%	0,50%
TTĐ2	Chung	2,03	0,05	2,52%	2,84	0,08	2,73%	0,82	40,21%	0,027	0,21%	2,76%	-0,03%
	500kV	1,03	0,03	2,81%	1,67	0,04	2,62%	0,64	62,08%	0,015	-0,19%	2,85%	-0,23%
	220kV	1,51	0,02	1,47%	1,89	0,03	1,80%	0,38	25,44%	0,012	0,33%	1,63%	0,17%
TTĐ3	Chung	6,25	0,14	2,27%	6,73	0,17	2,45%	0,48	7,71%	0,023	0,18%	1,95%	0,50%
	500kV	4,69	0,08	1,72%	5,26	0,10	1,82%	0,57	12,21%	0,015	0,10%	1,36%	0,46%
	220kV	3,65	0,06	1,68%	3,89	0,07	1,78%	0,25	6,78%	0,008	0,10%	1,63%	0,15%
TTĐ4	Chung	8,80	0,11	1,25%	9,33	0,10	1,07%	0,52	5,95%	-0,010	-0,18%	1,10%	-0,03%
	500kV	5,80	0,04	0,72%	6,13	0,03	0,57%	0,33	5,61%	-0,007	-0,15%	0,58%	-0,01%
	220kV	8,75	0,07	0,77%	9,29	0,07	0,70%	0,53	6,09%	-0,002	-0,07%	0,74%	-0,04%
NPT	Chung	20,21	0,63	3,14%	22,38	0,70	3,14%	2,17	10,74%	0,069	0,00%	2,40%	0,74%
	500kV	10,19	0,28	2,76%	12,19	0,31	2,55%	2,00	19,67%	0,030	-0,21%	2,01%	0,54%
	220kV	23,76	0,35	1,49%	26,66	0,39	1,47%	2,91	12,24%	0,039	-0,02%	1,19%	0,28%

6. Danh sách các sự cố dẫn tới vi phạm các tiêu chuẩn vận hành trong tháng

a. Sự cố lưới điện thuộc EVNNPT: không xảy ra sự cố dẫn tới vi phạm các tiêu chuẩn vận hành lưới điện truyền tải.

b. Sự cố do đơn vị ngoài EVNNPT quản lý vận hành: không xảy ra sự cố dẫn tới vi phạm các tiêu chuẩn vận hành lưới điện truyền tải.

V. TÌNH HÌNH KẾT NỐI SCADA

Trong tháng 09/2025 xảy ra 02 lỗi kết nối tín hiệu SCADA, giảm 4 lỗi kết nối so với tháng 08/2025.

- **Miền Bắc:** xảy ra 02 lỗi kết nối SCADA tại trạm 01 trạm 500kV Lào Cai và 1 trạm 220kV Xuân Mai. Lỗi kết nối đã được kiểm tra và khắc phục.

- **Miền Trung:** không xảy ra lỗi kết nối SCADA.

- **Miền Nam:** không xảy ra lỗi kết nối SCADA.

Đơn vị	Số lượng trạm mất kết nối SCADA	Số lượng trạm mất kết nối đã xử lý	Tăng giảm trạm mất kết nối so với tháng trước
Miền Bắc	2	2	1
Miền Trung	0	0	-2
Miền Nam	0	0	-3
EVNNPT	2	2	-4

Ghi chú: Số liệu thống kê từ trang quản lý sự cố của EVN
<http://quanlysuco.evn.com.vn>